

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

(Giấy phép hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 08 năm 2007)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số:/GCN-SGDHN do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2011)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty cổ phần chứng khoán VNS

Địa chỉ: Số 9, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04 3573 0073

Fax: 04 3573 0088

Website: www.vnsc.com.vn

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Bùi Quang Kỳ

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Điện thoại: 04 3573 0073

Fax: 04 3573 0088

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

(Giấy phép hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp ngày 28 tháng 08 năm 2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán VNS
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết:	16.100.000 (Mười sáu triệu một trăm nghìn) cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết:	161.000.000.000 (một trăm sáu mươi một tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 083 8272 295

Fax: 083 8272 298

Website: www.auditconsult.com

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro kinh tế.....	5
2. Rủi ro về pháp luật.....	7
3. Rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản	7
4. Rủi ro hoạt động.....	7
5. Rủi ro cạnh tranh.....	9
6. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	13
4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	18
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:	19
6. Hoạt động kinh doanh	20
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	38
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	41
9. Chính sách đối với người lao động	47
10. Chính sách cổ tức	49
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	49
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	58
13. Tài sản	67
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	67
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:	68
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành thêm:	68

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	69
1. Loại cổ phiếu:	69
2. Mệnh giá:	69
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết:	69
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:	69
5. Phương pháp tính giá	70
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài.....	73
7. Các loại thuế có liên quan.....	74
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	75

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái. Trong chiến lược hạn chế rủi ro về kinh tế, việc xem xét các thay đổi trong cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa rất quan trọng giúp việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của công ty có độ tin cậy cao hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty

a) *Tăng trưởng Kinh tế và lạm phát*

Tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao thường đồng nghĩa với kết quả kinh doanh lạc quan của các chủ thể tham gia nền kinh tế trong đó có hệ thống các doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc các nguồn vốn đầu tư trực tiếp cũng như gián tiếp chảy vào thị trường. Tăng trưởng kinh tế là nhân tố kích thích sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán đóng vai trò như một kênh huy động vốn hiệu quả cho các doanh nghiệp cổ phần nhằm tăng nguồn vốn đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác, việc tăng trưởng kinh tế là nhân tố quyết định giúp ổn định tâm lý nhà đầu tư, thu hút thêm nhiều luồng vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, thúc đẩy các nhà đầu tư tích cực tham gia vào thị trường.

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2009 chứng kiến tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng vẫn đạt được những kết quả nổi bật như ngăn chặn được đà suy giảm kinh tế, tăng trưởng khá và tăng được nguồn lực đầu tư phát triển. Bước sang năm 2010, kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi khá nhanh và phát triển theo hướng tích cực với mức tăng trưởng khá ở hầu hết các ngành, song một số cân đối vĩ mô còn chưa ổn định. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 tăng 6,78% so với năm 2009, trong đó quý I tăng 5,84%; quý II tăng 6,44%; quý III tăng 7,18% và quý IV tăng 7,34%. Đây là mức tăng khá cao so với mức tăng 6,31% của năm 2008 và cao hơn hẳn mức 5,32% của năm 2009, vượt mục tiêu đề ra 6,5% (*Nguồn: Tổng cục Thống kê*). Tuy nhiên chúng ta vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như tình trạng nhập siêu, giải quyết công ăn việc làm và đặc biệt là nguy cơ lạm phát tăng. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2010 tăng 1,98% so với tháng trước. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2010 so với tháng 12/2009 tăng 11,75%. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2010 tăng 9,19% so với bình quân năm 2009. (*Nguồn: Tổng cục Thống kê*).

Chính phủ Việt Nam đã có những biện pháp chống suy thoái một cách triệt để và nền kinh tế nội địa đã và đang có những bước phục hồi khá nhanh, tuy nhiên biến động kinh tế vĩ mô toàn cầu vẫn còn tồn tại, Chính phủ đang phải đối mặt với việc cân bằng hai mục tiêu: kích thích tăng trưởng kinh tế và chống lạm phát.

VNS với đội ngũ nhân sự là những cố vấn, chuyên gia kinh tế kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực kinh tế thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình kinh tế trong và ngoài nước, phân tích diễn biến cũng như ảnh hưởng của nó tới nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán để có biện pháp đối phó kịp thời, nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro xảy ra đồng thời đưa ra những khuyến nghị cho Ban lãnh đạo công ty cũng như các nhà đầu tư trong từng giai đoạn.

b) *Rủi ro lãi suất*

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Riêng đối với hệ thống các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, rủi ro lãi suất còn có thể xuất hiện ngay cả khi lãi suất thị trường tăng/giảm đột ngột ngoài dự tính. Đối với các Công ty chứng khoán tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

VNS với đội ngũ nhân sự là những cố vấn, chuyên gia kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính tiền tệ thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình lãi suất và phân tích diễn biến cũng như ảnh hưởng của nó tới thị trường chứng khoán để có biện pháp đối phó kịp thời, nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro xảy ra.

c) *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và VNS nói riêng ít chịu sự tác động trực tiếp từ việc biến động tỉ giá. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh có thể bị ảnh hưởng ở một mức độ nhất định thông qua sự tác động của tỷ giá hối đoái đến thị trường chứng khoán.

Tỉ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỉ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước.

Tuy nhiên, trên thực tế, công tác quản lý tỷ giá là một vấn đề khó khăn. Đôi khi tỷ giá biến động trái chiều với ý muốn chủ quan của các nhà quản lý. Nhận thức được sự biến động tỉ giá ảnh hưởng đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán, VNS thường xuyên phân tích, đánh giá, lường trước về sự biến động của tỉ giá và các tác động của nó đến thị trường chứng khoán, nhằm hạn chế một cách tối đa tác động bất lợi đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. **Rủi ro về pháp luật**

VNS là Công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế bớt các tác động do rủi ro pháp luật tạo ra, VNS với đội ngũ nhân sự là các luật sư, chuyên gia pháp lý giàu kinh nghiệm có trình độ chuyên môn cao am hiểu về thị trường tài chính tiền tệ nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng thường xuyên cập nhật các thay đổi về quy định pháp lý, đồng thời bảo đảm cho mọi hoạt động của công ty theo đúng các quy định của pháp luật, tháo gỡ những khó khăn những khó khăn về pháp lý có thể xảy ra trong quá trình hoạt động.

3. **Rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản**

Rủi ro của một cổ phiếu riêng lẻ được đo lường bởi biến động giá cổ phiếu được coi là rủi ro thị trường. Rủi ro này bao gồm hai thành phần: rủi ro hệ thống và rủi ro phi hệ thống. Rủi ro hệ thống không xuất phát từ bản thân cổ phiếu đó mà là những vấn đề liên quan đến thị trường chứng khoán nói chung, cơ chế và các chính sách đầu tư, cũng như các biến động kinh tế vĩ mô. Đây là loại rủi ro không thể tránh được và luôn tiềm tàng đối với toàn bộ thị trường. Rủi ro phi hệ thống hay các rủi ro đặc thù của Công ty, là sự biến động về giá cổ phiếu liên quan tới các yếu tố nội tại của Công ty.

Rủi ro thanh khoản của cổ phiếu là rủi ro mà nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu có thể không bán ra dẫn đến khả năng chịu lỗ đáng kể.

Nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu VNS và các cổ phiếu trong danh mục đầu tư tự doanh đều có các rủi ro trên. Tuy nhiên, hầu hết các cổ phiếu trong ngành Chứng khoán đều có hệ số beta cao, thể hiện mức độ dao động mạnh của giá cổ phiếu theo những biến động của thị trường. Do đó, nhà đầu tư sẽ gặp phải rủi ro giảm giá cổ phiếu khi thị trường có diễn biến xấu. Mặt khác, khi thị trường chung đang ở trong chu kỳ giảm giá, tính thanh khoản của các cổ phiếu sẽ giảm, trong đó có cổ phiếu của VNS.

4. **Rủi ro hoạt động**

a. **Rủi ro trong hoạt động Môi giới Khách hàng**

Hoạt động môi giới trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam còn non trẻ so với khu vực và trên thế giới. Kinh nghiệm và kiến thức sử dụng các dịch vụ đầu tư của khách hàng còn nhiều hạn chế, việc cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán trong việc tìm kiếm nguồn nhân sự có trình độ và đạo đức nghề nghiệp cao, dẫn đến các rủi ro trong hoạt động môi giới, cụ thể: rủi ro đạo đức nghề nghiệp của nhân viên môi giới giao dịch, rủi ro hạ tầng công nghệ thông tin không ổn định, rủi ro sai sót trong khâu thực hiện lệnh cho khách hàng, rủi ro pháp lý liên quan đến các sản phẩm tài chính hỗ trợ cho giao dịch của nhà đầu tư và các rủi ro cạnh tranh thiếu lành mạnh khác giữa các công ty chứng khoán...

Để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra, ngay từ những ngày đầu thành lập VNS đã xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, đồng thời ban hành qui chế quản lý và hoạt động của bộ phận môi giới, đề cao giá trị đạo đức nghề nghiệp và xử lý nghiêm khắc tất cả các trường hợp vi phạm đạo đức và nguyên tắc hành nghề môi giới.

Trong hơn 3 năm hoạt động, VNS luôn tuân thủ và chấp hành đúng qui trình nghiệp vụ theo nguyên tắc “ tách biệt độc lập giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận nghiệp vụ”, độc lập giữa nhân viên thực hiện và bộ phận kiểm soát ở mọi công đoạn trong quá trình giao dịch. Quy trình nghiệp vụ này được bộ phận CNTT cài đặt trong hệ thống quản lý, giúp cho công ty kiểm soát tốt nhất các nghiệp vụ trong quá trình giao dịch và môi giới.

Ngay từ khi thành lập, VNS đã ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động giao dịch và môi giới cho khách hàng. Hệ thống giao dịch của công ty cho phép khách hàng giao dịch online, truy cập kiểm tra số dư và truy xuất các giao dịch đã thực hiện và tự kiểm soát giao dịch. Các kết quả giao dịch được lưu trữ hoàn chỉnh và được thông báo cho khách hàng bằng SMS hoặc email ngay sau khi kết thúc giao dịch.

b. *Rủi ro trong hoạt động Tư vấn Khách hàng*

Đảm bảo chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ tư vấn đối với khách hàng cá nhân và khách doanh nghiệp là trọng tâm trong hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn, trình độ chuyên môn, sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên sẽ có những ảnh hưởng đáng kể.

Để hạn chế những rủi ro trong hoạt động tư vấn khách hàng, VNS đã và đang triển khai, phát triển đội ngũ chuyên viên quản lý tài khoản, chuyên viên môi giới với trình độ chuyên môn cao tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các quy định của pháp luật nhằm gia tăng chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Ngoài ra, VNS xây dựng đội ngũ chuyên gia kinh tế, chuyên gia phân tích cơ và phân tích kỹ thuật thông qua các chương trình hội thảo chuyên đề để hỗ trợ các chuyên viên quản lý tài khoản đánh giá thị trường, chia sẻ ý tưởng và cơ hội kinh doanh, đầu tư cho khách hàng.

c. *Rủi ro trong hoạt động Tự doanh Chứng khoán*

Trong thời điểm hiện tại, VNS đã và đang thực hiện việc kinh doanh chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết bằng nguồn vốn chủ sở hữu của công ty. Do đó, biến động giá chứng khoán nói riêng và biến động của thị trường chứng khoán nói chung sẽ là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh hàng năm của công ty.

Để hạn chế rủi ro này, HĐQT của công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh đa dạng hóa danh mục đầu tư, tập trung đầu tư vào nhóm cổ phiếu có tính thanh khoản cao, ở các ngành nghề trọng điểm và có nhiều cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Việc lựa chọn ngành/cổ phiếu, xác định thời điểm đầu tư và phân bổ nguồn vốn đầu tư được tiến hành trên cơ sở lập kế hoạch kinh doanh dài hạn trên cơ sở đã phân tích đánh giá kỹ lưỡng biến động kinh tế và

thị trường tiền tệ cũng như xem xét cân nhắc với các rủi ro có thể gặp phải. Việc linh hoạt trong các quyết định mua/ bán đầu tư, đã giúp VNS giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư, tuy nhiên về kết quả kinh doanh công ty phải chịu những biến động khá lớn. Mặt khác, việc xây dựng nguyên tắc định giá danh mục đầu tư tự doanh, công ty luôn tiến hành trích lập các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán một cách đầy đủ, thận trọng và hợp lý và điều này đã giúp VNS có được hiệu quả đầu tư khá cao khi thị trường phục hồi.

5. Rủi ro cạnh tranh

a. Cạnh tranh giữa các Công ty chứng khoán

Trong giai đoạn thị trường chứng khoán khó khăn và sự tham gia ngày càng nhiều công ty chứng khoán trên thị trường, vấn đề cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng trở nên gay gắt. Các công ty chứng khoán liên tiếp đưa ra các hình thức khuyến mại như giảm phí giao dịch, tặng quà, hỗ trợ khi mở tài khoản mới, trả thuế TNCN từ đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư... Việc thu hút và tìm kiếm nhà đầu tư mới ngày càng khó khăn, buộc VNS phải thực hiện khá nhiều hình thức khuyến mại, từ đó làm tăng chi phí kinh doanh của Công ty. Mặt khác, hình thức cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng phát triển, không chỉ dựa trên mức phí mà cả những dịch vụ tiện ích đến nhà đầu tư, tạo sức ép không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng.

Bên cạnh đó, việc đảm bảo nguồn nhân sự chất lượng cao cho các hoạt động kinh doanh cũng như phục vụ kế hoạch phát triển của Công ty cũng bị cạnh tranh gay gắt trong thị trường có hơn 100 công ty chứng khoán khác.

b. Cạnh tranh của các kênh đầu tư khác

Với sự phát triển của thị trường tài chính, ngày càng có nhiều kênh đầu tư thu hút nhà đầu tư tham gia như vàng, ngoại tệ, bất động sản, lãi suất, hàng hoá..., làm giảm nguồn tiền đổ vào thị trường chứng khoán, từ đó ảnh hưởng đến tăng trưởng của thị trường.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh... tuy khả năng xảy ra thấp, nhưng nếu có sẽ gây ra những tác động nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi ích của Công ty cũng như lợi ích của cổ đông Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Ông Lê Văn Minh	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Chức vụ: Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Anh Sơn	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Kỹ	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Bà Đỗ Thị Hồng	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong bản cáo bạch:

UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Công ty	Công ty cổ phần chứng khoán VNS
Tổ chức niêm yết	Công ty cổ phần chứng khoán VNS
VNS	Công ty cổ phần chứng khoán VNS
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
LNST	Lợi nhuận sau thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
DTT	Doanh thu thuần
GTGT	Giá trị gia tăng

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Các thông tin cơ bản về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS**
- Tên tiếng Anh: **VNS SECURITRY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **VNS**
- Trụ sở: Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội
- Điện thoại: 84-04 35730073
- Fax: 84-04 35730088
- Website: www.vnsc.com.vn

- Logo Công ty 

- Giấy phép hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 08 năm 2007.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Tự doanh chứng khoán;
 - Lưu ký chứng khoán;
- Vốn điều lệ: **161.000.000.000** đồng (*Một trăm sáu mươi một tỷ đồng*)

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS được chính thức thành lập theo Giấy phép số 69/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/08/2007 với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

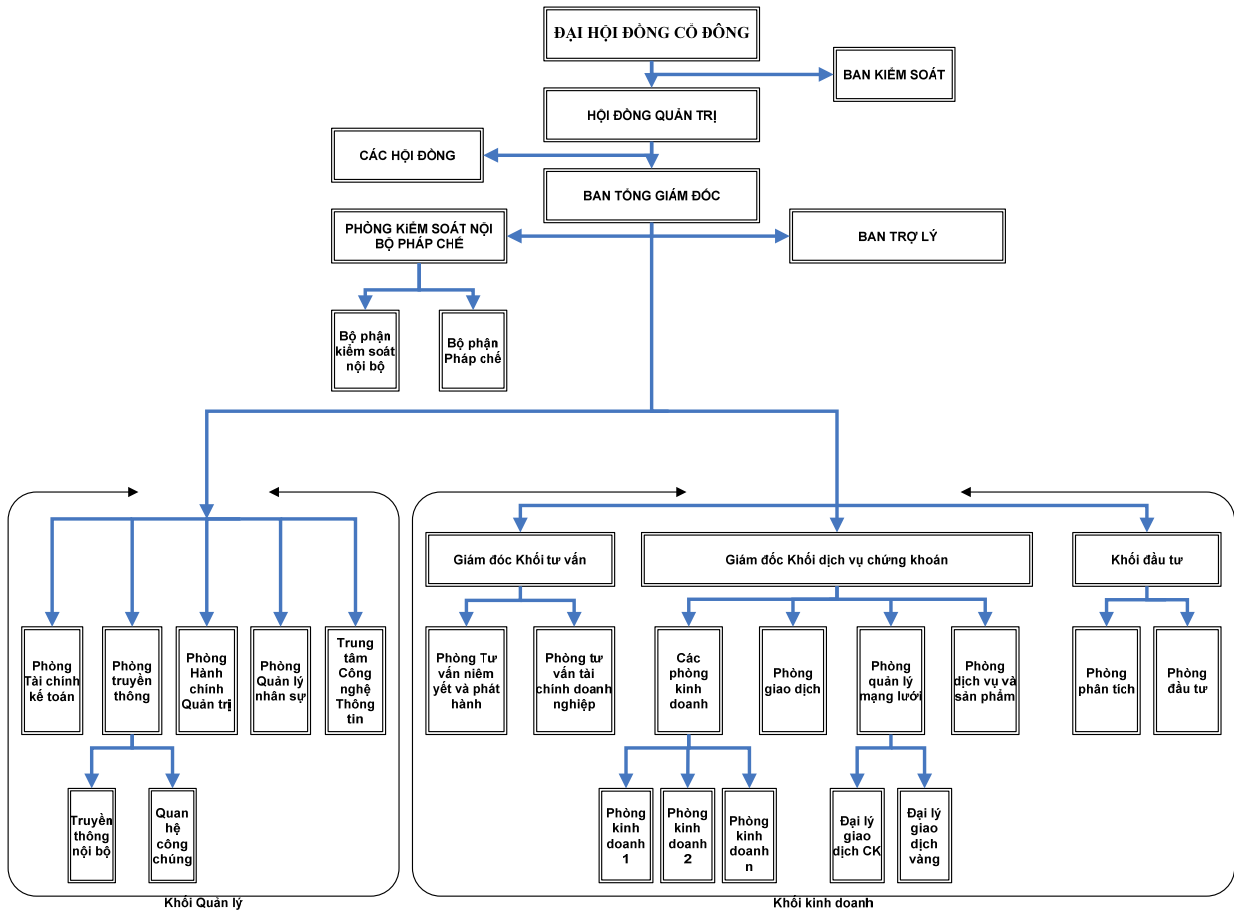
Các cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của VNS:

- Ngày 13/09/2007: VNS được Trung tâm lưu ký chứng khoán chấp thuận đăng ký làm Thành viên lưu ký theo quyết định số 64/GCNTVLK.
- Ngày 28/09/2007: VNS được chính thức công nhận là Thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 262/QĐ-TTGDCKHN.
- Ngày 17/10/2007: VNS được chính thức công nhận là Thành viên của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 61/QĐ - SGDHCM.
- Ngày 05/02/2010: VNS được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 90/QĐ - SGDCCKHN.
- Ngày 16/04/2008: Thành lập Chi nhánh VNS Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 292/QĐ - UBCK.
- Ngày 24/12/2009: VNS được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính của VNS đặt tại Tầng 1, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, một trong những khu vực trung tâm tài chính sầm uất nhất của Thủ đô Hà Nội. Với tổng diện tích hơn 1.200 m², VNS là một trong các công ty chứng khoán có thể mạnh hàng đầu về mặt bằng giao dịch phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty và nhà đầu tư. VNS có mạng lưới các Chi nhánh rộng khắp trên toàn quốc đều được đặt tại các trung tâm tài chính của từng Khu vực, có cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ theo quy chuẩn của UBCKNN. Thế mạnh nổi trội của VNS là có đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn, thạo nghiệp vụ và tác phong làm việc chuyên nghiệp. VNS chú trọng vào đầu tư nguồn nhân lực, coi đó là yếu tố nòng cốt để cạnh tranh và phát triển. Đội ngũ nhân viên được đào tạo từ các trường Đại học danh tiếng và uy tín trong nước và quốc tế, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, công nghệ thông tin. VNS luôn luôn lắng nghe và tận tâm phục vụ khách hàng, hiểu rõ mong muốn của khách hàng là động lực của sự phát triển. Đặc biệt hơn nữa do nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ trong lĩnh vực chứng khoán, VNS đã chú trọng đầu tư cho công nghệ ngay từ ngày đầu thành lập và không ngừng cập nhật những công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới để có thể áp dụng ngay cho hệ thống công nghệ thông tin, phục vụ giao dịch, kinh doanh chứng khoán và quản trị doanh nghiệp. Với kinh nghiệm lâu năm trong quản lý và kinh doanh, các chuyên viên tư vấn, Ban Lãnh đạo và HĐQT của VNS có mối quan hệ hợp tác sâu rộng với nhiều doanh nghiệp và tổ chức của Việt Nam và quốc tế, điều đó cho phép VNS đem lại cho khách hàng những giá trị gia tăng quan trọng trong tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư và phát triển kinh doanh.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty:



- a. **Hội sở:** Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội.
- b. **Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:** số 141 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
- c. **Chi nhánh Thanh Hóa:** số 67 Lý Thường Kiệt, phường Lam Sơn, Tp.Thanh Hóa.
- d. **Chi nhánh Nghệ An:** Số 4 đường Phan Bội Châu, Tp.Vinh, tỉnh Nghệ An
- e. **Chi nhánh Đồng Nai:** số 103 đường 30/4,P.Thái Bình, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- f. **Hệ thống trung tâm nhận lệnh:**
 - Trung tâm nhận lệnh trực tuyến VNS - Hà Đông: 154 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.
 - Trung tâm Nhận lệnh trực tuyến VSN-Bắc Giang: Số 1 Nguyễn Văn Cừ, TP.Bắc Giang.
 - Trung tâm Nhận lệnh trực tuyến VNS - Phúc Yên: Tầng 1, Toà nhà Phúc Yên Plaza, Số 121, đường Trưng Trắc, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - Trung tâm Nhận lệnh trực tuyến VNS - An Phú: 45 Hồ Tùng Mậu, Tp.Vinh, Nghệ An.
 - Trung tâm Nhận lệnh trực tuyến VNS - Đồng Nai tại 97 Đường 30/4, Phường Thanh Bình, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai.
 - Trung tâm Nhận lệnh trực tuyến VNS - Đức Long Gia Lai: Tầng 4, 120-120A Trần Phú, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai.
 - Trung tâm Nhận lệnh trực tuyến VNS - Nam Định tại 141 P. Bến Ngự, Tp.Nam Định.
 - Trung tâm Nhận lệnh trực tuyến VNS - Đà Nẵng tại 84 Trần Quốc Toàn, Tp.Đà Nẵng.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ VNS quy định. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ cơ bản sau:

- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị.
- Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ.
- Bầu, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- Các quyền hạn và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty. Các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị gồm có:

Hội đồng đầu tư

- Căn cứ vào chiến lược và định hướng đầu tư của HĐQT, xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn và kế hoạch đầu tư ngắn hạn từng năm.
- Thực hiện các phân quyền hạn mức đầu tư đúng quy định.
- Thực hiện việc định kỳ tổ chức, giám sát các hoạt động đầu tư của Công ty dựa trên cơ sở báo cáo của các phòng ban có liên quan.
- Thực hiện việc định kỳ đánh giá, phân tích, chỉnh sửa, thay đổi trong chiến lược đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất.
- Thực hiện việc đánh giá, phân tích và thay đổi đột xuất nhằm phù hợp với tình hình đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất.

Hội đồng khen thưởng, kỷ luật

- Thực hiện việc nghiên cứu, xây dựng các định hướng chính sách, chế độ cho người lao động làm căn cứ để các phòng ban liên quan trong Công ty tiến hành các công việc cụ thể liên quan.
- Thực hiện việc xét khen thưởng, kỷ luật với các nhân viên chủ chốt từ cấp lãnh đạo phòng ban trở lên.
- Thực hiện việc xét bổ nhiệm làm cơ sở để HĐQT bổ nhiệm các chức danh theo thẩm quyền của HĐQT.

3.3. Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan, trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, là người đại diện theo Pháp luật, chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền về nghĩa vụ của mình, là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công.

3.5. Các phòng, ban, đơn vị kinh doanh

a. Ban trợ lý.

- Tổng hợp báo cáo, tài liệu, tổ chức các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc.
- Tiếp nhận và tham mưu giải quyết các công việc chuyên trình Ban Tổng giám đốc.
- Tiếp nhận, phân loại văn thư gửi cho Ban Tổng giám đốc, tham gia xử lý hoặc/và theo dõi kết quả xử lý.
- Tổng hợp, theo dõi và đôn đốc các đơn vị thực hiện các chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc.

b. Phòng Kiểm soát nội bộ và Pháp chế

- Thực hiện việc giám sát hoạt động của các phòng/ban.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ, chiến lược kiểm soát nội bộ dài hạn và mục tiêu kiểm soát nội bộ hàng năm.
- Tổ chức và thực hiện công việc kiểm tra, kiểm toán nội bộ định kỳ (kiểm tra, xác nhận và đánh giá).
- Kiểm soát các nội dung khác theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
- Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Chi nhánh, các phòng/ban nghiệp vụ trong việc chỉ đạo và hoạt động quản lý, điều hành kinh doanh theo đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cũng như Cán bộ nhân viên VNS.
- Chủ trì hoặc tham mưu, thẩm định xây dựng nội quy, quy chế, quy trình tác nghiệp, hợp đồng kinh tế của các phòng ban đảm bảo đúng pháp luật;

c. Phòng Tài chính kế toán.

- Quản lý các kế hoạch tài chính của Công ty: Quản lý các hoạt động về tài chính, tài sản và hạch toán kế toán của Công ty đảm bảo đúng pháp luật hiện hành; tham gia xây dựng các kế hoạch tài chính, xây dựng, quản lý và tổ chức bộ máy kế toán cho Công ty.
- Quản lý nguồn vốn: Điều phối cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn của Công ty; Chủ động tìm kiếm và đề xuất với Ban Tổng Giám đốc những nguồn huy động vốn mới.
- Chế độ tài chính kế toán: Xây dựng hệ thống tài khoản kế toán; Thiết lập và hướng dẫn

thực hiện hệ thống báo biểu kế toán thống kê thống nhất trong toàn Công ty.

- Công tác kế toán: Thực hiện các hoạt động kế toán chi tiết: kế toán lao động, tiền lương, tài sản... và kế toán tổng hợp như xử lý, kiểm tra và lập các báo cáo kế toán theo quy định, thực hiện các thanh toán liên ngân hàng, thanh toán bù trừ.
- Công tác hậu kiểm chứng từ kế toán: xây dựng quy trình đối chiếu, kiểm tra và lưu trữ chứng từ, tổ chức sao lưu số liệu kế toán.
- Công tác kế toán giao dịch: thực hiện các nghiệp vụ lưu ký, thanh toán chứng khoán; quản lý, theo dõi các nghiệp vụ liên quan tới tiền của nhà đầu tư...

d. Phòng Hành chính quản trị.

- Quản lý và phát hành văn thư.
- Công tác hành chính quản trị.
- Công tác quản trị tài sản.
- Công tác tạp vụ và bảo vệ an ninh.

e. Phòng Truyền thông.

- Công tác truyền thông nội bộ
- Quản lý hoạt động quan hệ công chúng: Quản lý việc công bố thông tin; Quản lý, phát triển các mối quan hệ, hợp tác với cơ quan báo chí và truyền thông...
- Quảng bá thương hiệu: Xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu, quản lý Website; Xây dựng và quản lý việc thực hiện các sự kiện, chương trình quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, tài trợ cộng đồng...
- Phát triển và mở rộng mạng lưới.

f. Phòng Quản lý nhân sự.

- Công tác tuyển dụng: Xây dựng kế hoạch và hệ thống tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự và tổ chức tuyển dụng nhân sự theo kế hoạch và theo nhu cầu phát sinh.
- Quản lý nhân sự: Quản lý các vấn đề nhân sự liên quan đến luật lao động: Hợp đồng lao động, nghỉ việc, nghỉ phép; Xây dựng và quản lý hệ thống đánh giá và quản lý công việc nhân viên; Quản lý công tác bổ nhiệm, bãi nhiệm, thuyên chuyển và các thay đổi về thu nhập cán bộ, nhân viên.
- Đào tạo: Lập kế hoạch đào tạo hàng năm; Tổ chức đào tạo theo kế hoạch và theo nhu cầu thực tế phát sinh.
- Quản lý lương và chế độ đãi ngộ: Tiếp nhận, giải quyết các vấn đề về lương, thưởng, nghỉ phép của nhân viên; Xây dựng và quản lý hệ thống ngạch bậc lương và các chế độ đãi ngộ.

g. Khối Tư vấn.

- Nghiên cứu, xây dựng, cập nhật các quy trình thực hiện nghiệp vụ tư vấn phát hành, niêm yết chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp như bán đấu giá cổ phần, cổ phần hóa, tái cấu trúc, mua bán, sáp nhập, tư vấn các nghiệp vụ tài chính doanh nghiệp khác...
- Chủ động tìm kiếm, đàm phán, trình ký kết các hợp đồng tư vấn.
- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các hợp đồng tư vấn và tiến hành đánh giá kết quả,

thanh lý các hợp đồng tư vấn đã ký kết với chất lượng cao nhất.

- Phối hợp với khối đầu tư để tiến hành các nghiệp vụ đầu tư có lợi cho Công ty theo đúng định hướng của Hội đồng đầu tư.
- Dịch vụ quản lý sổ cổ đông.

h. Khối Dịch vụ chứng khoán.

- Phòng giao dịch: Đầu mối quản lý hoạt động giao dịch chứng khoán và các sản phẩm dịch vụ có liên quan của toàn Công ty; Quản lý hoạt động giao dịch chứng khoán tại Hội sở.
- Các phòng kinh doanh: Đầu mối quản lý hoạt động môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán và các sản phẩm dịch vụ có liên quan của toàn Công ty; Tư vấn đầu tư cho khách hàng; xây dựng kế hoạch kinh doanh và phát triển khách hàng.
- Phòng Phát triển và Quản lý mạng lưới: Quản lý giao dịch từ các chi nhánh, phòng giao dịch, đại lý nhận lệnh; Nghiên cứu, xúc tiến việc mở rộng hệ thống mạng lưới của VNS.
- Phòng Dịch vụ Sản phẩm: Xây dựng và nghiên cứu các chính sách chăm sóc, phát triển khách hàng; Xây dựng và cung cấp các bản tin thị trường hàng ngày và theo định kỳ; Cập nhật các bản tin, thông tin thị trường lên website; Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

i. Khối Đầu tư.

- Phòng phân tích: Lập báo cáo phân tích và đánh giá môi trường vĩ mô, ngành, phân tích công ty, phân tích chứng khoán... và đưa ra các khuyến nghị đầu tư cho Ban Tổng Giám đốc và Phòng Đầu tư; Tham gia phân tích, thẩm định các dự án đầu tư của Công ty; Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ cho hoạt động đầu tư, tư vấn, môi giới và quản lý rủi ro; Thu thập thông tin, xây dựng ngân hàng dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu của Công ty...
- Phòng đầu tư: Thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán cho Công ty; Xây dựng chiến lược, chính sách đầu tư cụ thể và kế hoạch hoạt động đầu tư theo định hướng của Hội đồng đầu tư, tìm các cơ hội đầu tư cho Công ty; Lập và đề xuất các phương án đầu tư chứng khoán; Tổ chức thực hiện nghiệp vụ đầu tư và kinh doanh chứng khoán và thực hiện dịch vụ ủy thác đầu giá cho nhà đầu tư.

j. Trung tâm CNTT.

- Công tác quản trị mạng: Quản lý cài đặt và cấu hình, vận hành và khai thác hệ thống mạng; Quản lý, theo dõi và thống kê tình trạng và hiệu quả sử dụng đường truyền...
- Công tác quản trị hệ thống: Quản lý cài đặt và cấu hình, vận hành và khai thác các hệ thống hệ điều hành và các phần mềm hệ thống; Giám sát hoạt động của các hệ thống chương trình nghiệp vụ, phần mềm hệ thống, hoạt động của hệ thống máy chủ, các hệ thống khác; Thiết kế, triển khai và quản trị đối với hệ thống tài nguyên Công nghệ thông tin; hệ thống Email, Internet...
- Công tác an toàn và bảo mật thông tin: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác bảo đảm hoạt động an toàn tin cậy đối với hệ thống CNTT; Xây dựng và triển khai công tác phòng chống xâm nhập, tấn công từ bên ngoài và bên trong, làm ảnh hưởng đến

hoạt động hệ thống CNTT...

- Quản lý hệ thống quản lý chứng khoán lõi: Phát triển, tích hợp ứng dụng, hệ thống báo cáo trên hệ thống lõi; Bảo trì cơ sở dữ liệu.
- Phát triển ứng dụng: Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các ứng dụng liên quan đến công tác quản lý điều hành; Đầu mối tiếp nhận, thực nghiệm, nghiệm thu các giải pháp công nghệ mới...

4. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

4.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty (14/02/2011)

Stt	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	409	16.091.000	160.910.000.000	99,94%
1	Cổ đông tổ chức	3	95.000	950.000.000	0,59%
2	Cổ đông cá nhân	406	15.996.000	159.960.000.000	99,35%
II	Cổ đông nước ngoài	3	9.000	90.000.000	0,06%
1	Cổ đông cá nhân	3	9.000	90.000.000	0,06%
Tổng cộng		412	16.100.000	161.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 14/02/2011:
(Không có)

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại ngày 28/08/2007:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành phố	198A/8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P7, Q3, TP.HCM	900.000	9.000.000.000	5,59%
2	Đoàn Ngọc Hoàn	84B, Tổ 24C, Tập thể 373 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	800.000	8.000.000.000	4,97%
3	Đặng Đình Thắng	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Tây	800.000	8.000.000.000	4,97%
4	Nguyễn Thị Kim Anh	78 Trần Quang Khải, Tp Hải Phòng	800.000	8.000.000.000	4,97%

5	Nguyễn Thị Minh Hương	20, tổ 2B Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	800.000	8.000.000.000	4,97%
6	Trịnh Bảo Trung	16D, ngách 93/28 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội	800.000	8.000.000.000	4,97%
7	Từ Thị Hoà	Khối 13, P.Đội Cung, TP. Vinh, Nghệ An	800.000	8.000.000.000	4,97%
8	Bà Lê Thị Thanh Ngọc	P206, D2C, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	300.000	3.000.000.000	1,86%
9	Lê Thị Quế	8B, Tổ 46, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	350.000	3.500.000.000	2.17%
10	Cao Kim Hường	148 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội	300.000	3.000.000.000	1,86%
11	Lê Thị Thu Hằng	39 ngõ 7 Thái Hà, Hà Nội	250.000	2.500.000.000	1,55%
12	Dương Thanh Hường	6 Ngõ 6 Vạn Phúc, Kim Ma, Ba Đình, Hà Nội	300.000	3.000.000.000	1,86%
13	Đặng Thị Loan	78 Bà Triệu, Hà Nội	300.000	3.000.000.000	1,86%
14	Đinh Thị Thương	Khánh An, Yên Khánh, Ninh Bình	500.000	5.000.000.000	3.11%
15	Bà Lê Thị Hợi	15, Ngõ 83, Tổ 14, Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà nội	200.000	2.000.000.000	1.24%
16	Đoàn Thị Thanh Hồng	78 Đại La, Hai Bà Trưng, Hà Nội	200.000	2.000.000.000	1.24%
17	Khuông Thị Lợi	P916-CT2-ĐN1, Khu Đô Thị Định Công, Hà nội	300.000	3.000.000.000	1,86%
18	Từ Thị Châu	Phường Trường Thi, TP. Nghệ An	100.000	1.000.000.000	0,62%
19	Nguyễn Thị Hải Thanh	B1, 25B Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	200.000	2.000.000.000	1.24%
20	Nguyễn Xuân Thái	P502, K11 Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	200.000	2.000.000.000	1.24%
21	Bùi Mai Anh	Số 11 ngõ 1/34/7 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	100.000	1.000.000.000	0.62%
22	Nguyễn Thị Bích Liên	311 G6 Tập thể Thành Công, BA Đình, Hà Nội	100.000	1.000.000.000	0.62%
Tổng cộng			9.400.000	94.000.000.000	58.38%

(Nguồn: Giấy phép hoạt động kinh doanh của Công ty)

Theo Điều 84 Luật Doanh nghiệp quy định, cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần của mình sở hữu trong vòng 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Do Công ty cổ phần chứng khoán VNS được cấp giấy phép hoạt động

kinh doanh từ ngày 28/08/2007 nên những cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng như theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính:

a. Hoạt động môi giới

Hoạt động môi giới của VNS đã và đang khẳng định được chỗ đứng trên thị trường chứng khoán. Với nguyên tắc công bằng, trung thực và chuyên nghiệp, VNS đã mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất công nghệ thông tin hiện đại, cùng với đội ngũ cán bộ, nhân viên môi giới chuyên nghiệp, nhờ đó cung cấp dịch vụ Môi giới có chất lượng cao cho tất cả các khách hàng cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước thông qua các hình thức giao dịch đa dạng và thuận tiện từ khâu: mở tài khoản, thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng, cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến, sao kê tài khoản giao dịch...

Trong năm 2010 Công ty đã thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh kết hợp với việc mở rộng mạng lưới giao dịch thông qua việc mở thêm các Chi nhánh: Thanh Hóa, Biên Hòa, Nghệ An và các phòng giao dịch ở một số tỉnh, thành phố... đây là tiền đề để hoạt động môi giới của Công ty năm 2011 và 2012 phát triển mạnh mẽ. Thị trường được dự báo sẽ phục hồi vào nửa cuối năm 2011 và tăng trưởng mạnh vào năm 2012, khối lượng và giá trị giao dịch của thị trường sẽ tăng mạnh. Doanh thu môi giới trong kế hoạch năm 2011 và 2012 của Công ty dự kiến là 28 tỷ và 38 tỷ tương ứng với mức tăng trưởng qua các năm là 55% và 36%.

Để đạt được kế hoạch nêu trên, VNS đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện:

- Phát triển và mở rộng thêm mạng lưới giao dịch tại một số tỉnh, thành phố như Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần thơ...
- Nghiên cứu và đưa ra các gói sản phẩm, dịch vụ mới tiện ích cho khách hàng;
- Nâng cấp hệ thống phần mềm giao dịch trực tuyến, chứng khoán và môi giới đầu tư, định hướng ít nhất 86% tổng số lệnh giao dịch của nhà đầu tư hàng ngày được thực hiện thông qua giao dịch trực tuyến trên;
- Đào tạo và tuyển dụng nhân sự có chất lượng, phấn đấu đến hết năm 2012, 100% nhân viên môi giới của Công ty có chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- Gia tăng dịch vụ tài chính cho nhà đầu tư những vẫn đảm bảo an toàn và hiệu quả;
- Nâng cao hơn nữa chất lượng bản tin ngày, tuần, tháng và có các bản tin đặc biệt cho các nhà đầu tư;

b. Hoạt động tự doanh

VNS có đội ngũ cán bộ làm công tác tự doanh và bộ máy điều hành hoạt động chuyên nghiệp. Bộ máy quản lý điều hành hoạt động tự doanh được tổ chức ở nhiều cấp bậc khác nhau, có sự phân quyền rõ ràng cho từng cấp bậc từ Hội đồng Quản trị, Hội đồng Đầu tư, Khối Đầu tư.

Hoạt động tự doanh của VNS được thực hiện theo đúng quy trình, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và luôn đề cao đạo đức nghề nghiệp. Với nguyên tắc đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, trong hoạt động tự doanh VNS không để xảy ra xung đột lợi ích với khách hàng. Bên cạnh đó, VNS đã không ngừng giám sát hoạt động đầu tư để đảm bảo hoạt động đầu tư phù hợp với chính sách quản lý rủi ro của VNS.

VNS đã xây dựng cho mình một nền móng vững chắc cho hoạt động đầu tư, từ việc thiết lập các kênh để thu thập thông tin đáng tin cậy về doanh nghiệp, cổ phần đầu tư đến việc tổ chức tốt công tác phân tích, đánh giá về kết quả kinh doanh hiện tại và triển vọng của doanh nghiệp là đối tượng đầu tư, cũng như môi trường đầu tư (xu hướng thị trường, các nhân tố ảnh hưởng).

VNS cũng có nguyên tắc, kỷ luật nghiêm túc trong việc quản lý danh mục đầu tư, bảo đảm cơ cấu khoa học, hợp lý về thời hạn, lĩnh vực ngành nghề, mức lợi nhuận kỳ vọng và rủi ro. Danh mục đầu tư phải được thường xuyên rà soát và điều chỉnh linh hoạt để đạt được hiệu quả cao nhất, với mức rủi ro thấp nhất.

Do có nền móng vững chắc, bộ máy làm công tác tự doanh, đầu tư tốt, nhận định sát xu hướng thị trường cùng với quan điểm đầu tư thận trọng, tuân thủ chặt chẽ quy trình, quy phạm về tự doanh và có chiến lược thích hợp. Trong các năm 2008, 2009 thị trường chứng khoán Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn, VNS đã định hướng không đẩy mạnh hoạt động tự doanh mà chú trọng vào các mảng dịch vụ. Đến năm 2010 khi thị trường bắt đầu hồi phục và đi vào ổn định, Công ty đã bắt đầu đẩy mạnh hoạt động đầu tư, mua cổ phần và đã mang lại hiệu quả kinh doanh khá cao.

Định hướng và kế hoạch trong năm 2011 và năm 2012, sau khi hoàn thành việc tăng vốn vào cuối năm 2011 Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động đầu tư góp vốn, liên doanh liên kết vào các dự án có hiệu quả. Doanh thu đầu tư tự doanh, góp vốn kế hoạch năm 2011 và 2012 của VNS dự kiến là 55 tỷ đồng và 100 tỷ đồng tương ứng với mức tăng trưởng qua các năm là 96% và 82%.

c. Hoạt động lưu ký chứng khoán

Với tư cách là thành viên của Trung tâm Lưu ký chứng khoán, VNS đã giúp khách hàng lưu ký chứng khoán của các doanh nghiệp niêm yết, mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty và thực hiện các dịch vụ liên quan, cụ thể là:

- ✓ Chuyển nhượng và thanh toán chứng khoán;
- ✓ Thực hiện quyền đối với chứng khoán;

- ✓ Phong toả /Giải phóng phong toả chứng khoán;
- ✓ Lưu ký sổ cổ đông cho các công ty đại chúng.

Công ty xác định hoạt động lưu ký chứng khoán là hoạt động hỗ trợ cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp là khách hàng của Công ty và qua đó hỗ trợ cho các mảng kinh doanh khác của Công ty; do đó Công ty không đề ra mục tiêu lợi nhuận cho hoạt động này. Mặc dù vậy, hoạt động này cũng đã có những khoản doanh thu nhất định để trang trải cho các chi phí hoạt động có liên quan.

d. Hoạt động Tư vấn tài chính Doanh nghiệp.

Ban lãnh đạo công ty nhận thấy hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp có khả năng thu hút nguồn lực nhân sự có chất lượng cao và nhu cầu thị trường trong mảng dịch vụ này khá lớn. Bên cạnh đó việc cung cấp dịch vụ tư vấn cho doanh nghiệp sẽ giúp công ty xây dựng được mạng lưới khách hàng rộng khắp trong cả nước để có thể cung cấp thông tin, hỗ trợ cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư hiệu quả hơn. Đội ngũ chuyên viên tư vấn tài chính của VNS được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, đã có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, kế toán và kiểm toán. VNS đang nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp nhằm mang lại giá trị gia tăng cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư, các dịch vụ tư vấn chủ yếu của VNS bao gồm:

Tư vấn Niêm yết

VNS tư vấn cho doanh nghiệp toàn bộ quá trình từ khi chuẩn hóa các điều kiện niêm yết, triển khai các công việc cần thiết để chuẩn bị niêm yết, đến các giai đoạn niêm yết chính thức và sau niêm yết để tối đa hóa giá trị cho doanh nghiệp, giúp thị trường có thêm cổ phiếu tốt, giúp các nhà đầu tư có thêm lựa chọn giao dịch và đa dạng danh mục đầu tư. Ngoài ra, VNS tiếp tục tư vấn cho các doanh nghiệp trong các vấn đề như quản trị công ty, công bố thông tin và quan hệ nhà đầu tư.

Trong thời gian qua, VNS đã và đang thực hiện tư vấn niêm yết và niêm yết bổ sung cho các công ty như: Công ty Cổ phần In Diên Hồng, Công ty cổ phần Cơ khí Xăng dầu, Công ty cổ phần CAVICO Xây dựng Hạ Tầng ...

Tư vấn phát hành chứng khoán

Dịch vụ Tư vấn phát hành của VNS sẽ giúp doanh nghiệp lựa chọn giải pháp huy động vốn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình, đảm bảo các mục tiêu về cơ cấu vốn, cơ cấu cổ đông tối ưu, đồng thời hỗ trợ tối đa khách hàng thực hiện các giải pháp hiệu quả nhất nhằm đạt kết quả tối ưu nhất về tài chính, thương hiệu, quan hệ đối tác, các hình thức tư vấn phát hành:

- Tư vấn phát hành riêng lẻ;
- Tư vấn Phát hành lần đầu ra công chúng;
- Tư vấn Phát hành thêm chứng khoán ra công chúng để huy động vốn.

Nội dung của các công việc tư vấn phát hành chủ yếu như sau:

Rà soát điều kiện pháp lý và xây dựng kế hoạch phát hành phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, xu thế của thị trường nhằm mang lại hiệu quả tài chính cao nhất. Tư vấn xây dựng cơ cấu sở hữu và cơ cấu vốn hợp lý, tư vấn hoạch định chính sách cổ tức, chính sách cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên...

Tiến hành định giá chứng khoán làm cơ sở xác định giá phát hành cho các đối tượng liên quan. Xây dựng Bản cáo bạch/ Bản công bố thông tin giới thiệu doanh nghiệp và đợt phát hành. Giới thiệu các nhà đầu tư chiến lược cho tổ chức phát hành. Tư vấn và thực hiện giới thiệu doanh nghiệp và đợt phát hành (roadshow) đến các nhà đầu tư và công chúng.

Một số khách hàng mà VNS đã và đang thực hiện dịch vụ tư vấn phát hành chứng khoán như: Công ty cổ phần Xây lắp điện I, Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Hạ Tầng, Công ty cổ phần In Diên Hồng (DHI), Công ty cổ phần Cơ khí Xăng dầu (PMS), Công ty cổ phần Licogi 19, tư vấn phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Vĩnh Hòa ...

Tư vấn Cổ phần hóa và tổ chức bán đấu giá cổ phần

Với hiểu biết sâu rộng và những kinh nghiệm tích lũy nhiều năm của các chuyên gia tư vấn về việc chuyển đổi sở hữu cho các doanh nghiệp, VNS cung cấp dịch vụ tư vấn cổ phần hóa và tư vấn bán đấu giá cổ phần cho đối tượng là những doanh nghiệp Nhà nước, tư nhân nhằm giúp khách hàng đạt được kết quả cao của giai đoạn cổ phần hóa, hậu cổ phần hóa trên phương diện: mô hình hoạt động, hiệu quả kinh doanh, uy tín và thương hiệu. Đặc biệt trong giai đoạn 2008 – 2010, VNS là một trong những đơn vị được đánh giá rất cao trong việc cung cấp dịch vụ tư vấn bán đấu giá phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.

Trong các năm qua, VNS đã tư vấn cổ phần hóa và tư vấn bán đấu giá cổ phần cho các doanh nghiệp: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC), Trung tâm quản lý chất lượng thuộc Công ty cao su Đăk Lăk, Công ty cổ phần Sông Mã, Công ty TNHH Du lịch Công Đoàn Ban Mê...

Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

VNS hỗ trợ các doanh nghiệp khảo sát, phân tích, đánh giá toàn bộ hoạt động tổ chức, kinh doanh, tài chính, nhân sự và xây dựng các biện pháp tối ưu để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp.

Nội dung chủ yếu các công việc như sau:

- Khảo sát, đánh giá mô hình cấu trúc hiện tại và đưa ra những nhận định về những điểm hợp lý, bất hợp lý, điểm mạnh và điểm yếu, tiềm năng, rủi ro của doanh nghiệp;
- Xây dựng mô hình tổ chức phù hợp cho định hướng phát triển của doanh nghiệp;
- Tư vấn tái cấu trúc chiến lược phát triển;

- Tư vấn cơ cấu vốn hợp lý cho từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn xây dựng chính sách quản trị nhân sự;
- Tái cấu trúc lại các hoạt động kinh doanh;
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính của doanh nghiệp;
- Tư vấn xây dựng hệ thống kế toán quản trị doanh nghiệp;
- Tư vấn thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ.

VNS đã tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp cho Công ty cao su Đắc Lắc trong giai đoạn 2007 - 2009 với tổng giá trị hợp đồng là 960.000.000 đồng.

e. Nghiên cứu – Phân tích

Đầu tư cho hoạt động nghiên cứu phân tích là một trong những ưu tiên hàng đầu của Ban lãnh đạo VNS. Với đội ngũ chuyên viên phân tích giàu kinh nghiệm, có trình độ cao và ngân hàng dữ liệu hoàn hảo được xây dựng công phu, VNS đã và đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ nghiên cứu phân tích với chất lượng cao để đưa ra khuyến nghị kịp thời cho ban lãnh công ty và khách hàng, bao gồm:

- ✓ Báo cáo nghiên cứu và phân tích nền kinh tế Việt Nam và thế giới, các ngành nghề kinh tế, thị trường chứng khoán trong và ngoài nước;
- ✓ Báo cáo tổng hợp thông tin, phân tích, đánh giá và nhận định thị trường;
- ✓ Kết hợp với các chuyên gia kinh tế Việt Nam, tổ chức các buổi hội thảo nhận định thị trường, đưa ra các khuyến nghị cũng như cơ hội đầu tư cho khách hàng;
- ✓ Cộng tác với một số báo điện tử và nhà cung cấp thông tin về chứng khoán và thị trường chứng khoán như Báo Đầu tư chứng khoán, StockPlus... để thông tin thường xuyên, kịp thời đến các nhà đầu tư về tình hình thị trường chứng khoán và doanh nghiệp niêm yết cũng như tình hình kinh tế nói chung.

Thời gian qua, hoạt động phân tích đã hỗ trợ tích cực các mảng hoạt động kinh doanh khác của công ty, đặc biệt là môi giới, tự doanh, tư vấn, đồng thời góp phần nâng cao uy tín, hình ảnh của Công ty. Thời gian tới, VNS tiếp tục phát triển, nâng cao hơn nữa năng lực phân tích, hướng tới hình thành một trung tâm nghiên cứu, phân tích lớn đáp ứng nhu cầu của đông đảo doanh nghiệp và giới đầu tư. Hoạt động nghiên cứu, phân tích cũng sẽ có khách hàng và doanh thu riêng.

6.2. Doanh thu và Lợi nhuận các hoạt động kinh doanh chính của Công ty năm 2009, 2010, Quý I/2011:

Cơ cấu doanh thu:

Hoạt động kinh doanh	2009		2010		Quý I/2011	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ
DT môi giới chứng khoán	28.570.368.903	54,42%	21.102.056.436	27,43%	2.364.814.270	21,26%
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	5.980.103.877	11,39%	21.537.480.377	27,99%	114.893.649	1,03%
DT hoạt động tư vấn	3.886.957.482	7,40%	906.924.732	1,18%		
Doanh thu thuê TS	1.426.513.082	2,72%	1.787.989.334	2,32%	303.108.135	2,73%
Doanh thu khác	12.636.701.296	24,07%	31.600.149.476	41,08%	8.338.690.104	74,98%
Tổng cộng	52.500.644.640	100%	76.934.600.355	100%	11.121.506.158	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010, Quý I/2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

Trong đó:

- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm:

- ✓ Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán,
- ✓ Doanh thu thu lãi đầu tư.

- Doanh thu khác bao gồm:

- ✓ Lãi tiền gửi;
- ✓ Doanh thu về vốn kinh doanh.

Năm 2009, thị trường chứng khoán Việt Nam có những chuyển biến tích cực theo đà phục hồi của nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Điều này góp phần làm giá trị giao dịch tăng cao, giúp doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán của VNS đạt 28.570.368.903 đồng. Bước sang năm 2010, trước những tín hiệu xấu của nền kinh tế, tâm lý của nhà đầu tư bị ảnh hưởng ít nhiều khiến giá trị giao dịch toàn thị trường suy giảm, làm doanh thu môi giới của VNS chỉ đạt 21.102.056.436 đồng, giảm 26,14% so với năm 2009. Tình hình thị trường tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu trong Quý I/2011, khiến doanh thu môi giới trong Quý này chỉ đạt 2.364.814.270 đồng, chỉ bằng 11,21% so với tổng doanh thu môi giới trong năm 2010.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn năm 2010 đạt 21.537.480.377 đồng, tăng 360% so với năm 2009. Đây là hoạt động kinh doanh có mức tăng trưởng doanh thu nhanh nhất so với các hoạt động kinh doanh khác của Công ty và chiếm tỷ trọng lớn thứ 2

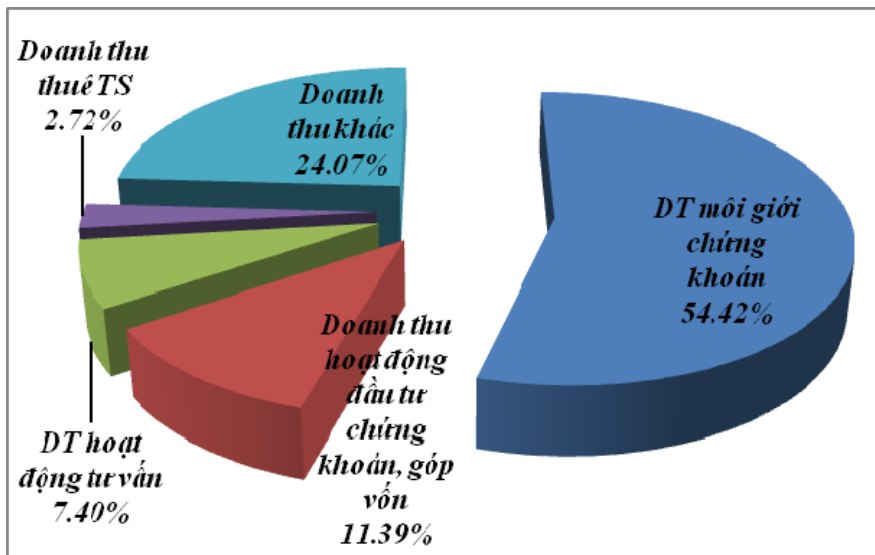
trong cơ cấu Doanh thu của Công ty trong năm 2010. Tuy nhiên bước sang Quý I/2011, hoạt động này giảm mạnh và chỉ chiếm 1,03% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu doanh thu thuần, tuy nhiên dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường chứng khoán; đồng thời là cầu nối cho các hoạt động môi giới, đầu tư tiếp cận và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

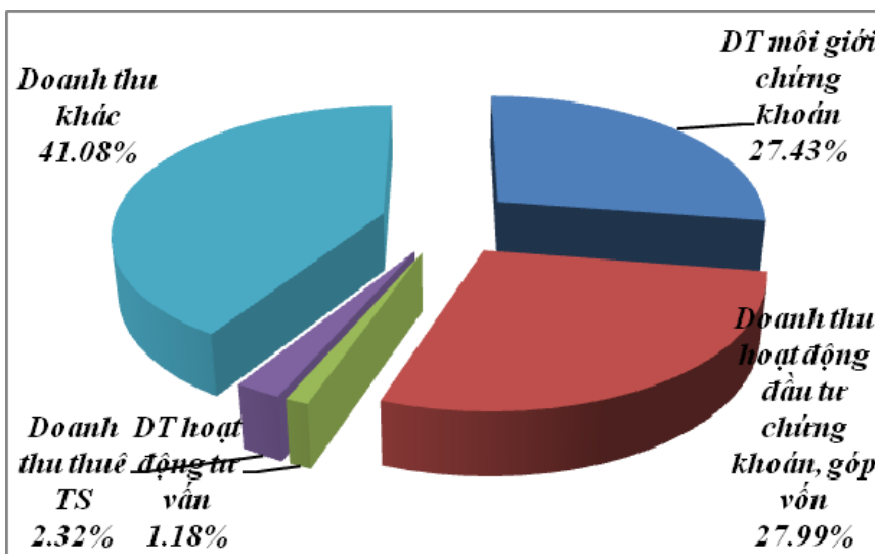
Ngoài ra Doanh thu khác về kinh doanh vốn năm 2010 cũng tăng mạnh so với năm 2009, Doanh thu khác năm 2010 đạt 31.600.149.476 đồng, tăng 250% so với năm 2009.

Như vậy, năm 2009 và 2010 VNS có bước tăng trưởng khá lớn về Doanh thu, sự phát triển các mảng dịch vụ của VNS đang diễn ra khá đồng đều và hướng đến một cơ cấu doanh thu bền vững.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU DOANH THU



Cơ cấu doanh thu năm 2009



Cơ cấu doanh thu năm 2010.

Cơ cấu lợi nhuận gộp:

Hoạt động kinh doanh	2009		2010		Quý I/2011	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng
Môi giới chứng khoán	24.624.487.903	134,44%	17.221.136.479	27,87%	1.948.397.082	23,31%
Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-19.268.841.226	-105,20%	9.656.386.341	15,63%	(588.447.757)	-7,04%
Hoạt động tư vấn	2.932.449.629	16,01%	656.907.399	1,06%	(65.982.000)	-0,79%
Cho thuê tài sản	567.649.071	3,10%	512.361.098	0,83%	28.680.135	0,34%
Hoạt động kinh doanh khác	9.460.101.804	51,65%	23.893.886.446	38,73%	5.145.185.723	61,55%
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán			9.856.051.647	15,95%	1.891.375.476	22,63%
Tổng cộng	18.315.847.181	100%	61.796.729.410	100%	8.359.208.659	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010, Quý I/2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần:

Hoạt động kinh doanh	2009		2010		Quý I/2011	
	Giá trị (VNĐ)	%/DTT	Giá trị (VNĐ)	%/DTT	Giá trị (VNĐ)	%/DTT
Môi giới chứng khoán	24.624.487.903	46,90%	17.221.136.479	22,38%	1.948.397.082	17,52%
Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-19.268.841.226	-36,70%	9.656.386.341	12,55%	(588.447.757)	-5,29%
Hoạt động tư vấn	2.932.449.629	5,59%	656.907.399	0,85%	(65.982.000)	-0,59%
Cho thuê tài sản	567.649.071	1,08%	512.361.098	0,67%	28.680.135	0,26%
Hoạt động kinh doanh khác	9.460.101.804	18,02%	23.893.886.446	31,06%	5.145.185.723	46,26%
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán			9.856.051.647	12,81%	1.891.375.476	17,01%
Tổng cộng	18.315.847.181	34,89%	61.796.729.410	80,32%	8.359.208.659	75,17%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010, Quý I/2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

6.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Do tính chất chuyên biệt là một công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn tài chính và môi giới chứng khoán, cơ cấu chi phí của VNS bao gồm hai loại chi phí chủ yếu là chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán và chi phí quản lý doanh nghiệp thể hiện qua thống kê sau:

Tỷ trọng chi phí trên Doanh thu thuần năm 2009, 2010, Quý I/2011:

Chi phí	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị (VNĐ)	%/ DTT	Giá trị (VNĐ)	%/ DTT	Giá trị (VNĐ)	%/ DTT
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	34.184.797.459	65,11%	15.137.870.945	19,68%	2.762.297.499	24,84%
Chi phí môi giới CK	3.863.767.408	7,36%	3.610.815.760	4,69%	416.417.188	3,75%
Chi phí hoạt động tự doanh CK	17.950.264.430	34,19%	11.881.094.036	15,45%	593.856.766	5,34%
Chi phí dịch vụ tư vấn	954.507.853	1,82%	250.017.333	0,32%	65.982.000	0,59%
Chi phí hoạt động lưu ký	82.113.592	0,15%	270.104.197	0,35%	109.484.640	0,98%
Dự phòng đầu tư CK	7.298.680.673	13,90%	(9.856.051.647)	-12,81%	(1.891.375.476)	-17,01%
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	858.864.011	-	1.275.628.236	1,66%	274.428.000	2,47%
Chi phí kinh doanh khác	3.176.599.492	6,05%	7.706.263.030	10,02%	3.193.504.381	28,72%
Chi phí QLDN	22.272.656.754	42,43%	29.061.908.445	37,77%	7.431.267.068	66,82%
Tổng cộng	56.457.454.213	107,54%	44.199.779.390	57,45%	10.193.564.567	91,66%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010, Quý I/2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

Cơ cấu chi phí năm 2009, 2010 và Quý I/2011:

Chi phí	Năm 2009		Năm 2010		Quý I/2011	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	34.184.797.459	60,55%	15.137.870.945	34,25%	2.762.297.499	27,10%
Chi phí môi giới CK	3.863.767.408	6,84%	3.610.815.760	8,17%	416.417.188	4,09%
Chi phí hoạt động tự doanh CK	17.950.264.430	31,79%	11.881.094.036	26,88%	593.856.766	5,83%
Chi phí dịch vụ tư vấn	954.507.853	1,69%	250.017.333	0,56%	65.982.000	0,65%
Chi phí hoạt động lưu ký	82.113.592	0,15%	270.104.197	0,61%	109.484.640	1,06%
Dự phòng đầu tư CK	7.298.680.673	12,93%	(9.856.051.647)	-22,30%	(1.891.375.476)	-18,55%
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản		-	1.275.628.236	2,89%	274.428.000	2,69%
Chi phí kinh doanh khác	4.035.463.503	7,15%	7.706.263.030	17,44%	3.193.504.381	31,33%
Chi phí QLDN	22.272.656.754	39,45%	29.061.908.445	65,75%	7.431.267.068	72,90%
Tổng cộng	56.457.454.213	100%	44.199.779.390	100%	10.193.564.567	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010, Quý I/2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

6.4. Trình độ công nghệ

Lãnh đạo Công ty xác định Công nghệ thông tin vẫn là mối quan tâm hàng đầu trong chiến lược kinh doanh của VNS đặc biệt là công nghệ quản lý, xử lý và khai thác thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc tăng hiệu quả và khả năng cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh. VNS luôn chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại cả về phần cứng và phần mềm cùng đội ngũ chuyên gia quản lý phát triển CNTT nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các nhà đầu tư. Về tổng thể, hệ thống CNTT tại VNS được mô tả như sau:

*** Cơ sở hạ tầng mạng**

Hệ thống mạng LAN, WAN của VNS được thiết kế theo mô hình kiến trúc thiết kế hiện đại với 03 lớp mạng chức năng bao gồm: Lớp mạng trục xương sống (Core Network) lớp mạng phân bố (Distribution Network) và lớp mạng truy cập (Access Network). Hệ thống mạng được thiết kế đồng bộ có khả năng mở rộng cũng như đáp ứng các nhu cầu thay đổi và nâng cấp hệ thống trong thời gian ngắn nhất và được phân cấp bảo mật theo từng phân vùng.

VNS hiện tại có 7 đường truyền kết nối Internet; kết nối với HSX, HNX và kết nối nội bộ với tốc độ truy cập cao của nhiều nhà cung cấp khác nhau như VDC, FPT, Viettel, VTN,

đảm bảo thông tin liên tục và kịp thời, nếu một đường truyền của một nhà cung cấp gặp sự cố, sẽ không ảnh hưởng đến giao dịch, cũng như các kết nối tới hai Sở giao dịch chứng khoán.

*** Hệ thống server và các thiết bị máy móc**

Nắm rõ được tầm quan trọng của hệ thống máy chủ và cơ sở dữ liệu giao dịch, VNS đã đầu tư cấp máy chủ HP RX6600 hiện đại - có khả năng mở rộng và tăng cường năng lực xử lý một cách nhanh chóng và hiệu quả - để cài đặt hệ quản trị cơ sở dữ liệu giao dịch. Đây là một hệ thống đồng bộ và hiệu năng cao của hãng HP với các công nghệ máy chủ và hệ thống lưu trữ tốc độ cao và tin cậy. Các máy chủ dịch vụ được kết nối với hệ thống lõi trên thông qua hệ thống chuyển mạch Gigabit đảm bảo các tác vụ được thực hiện nhanh và an toàn.

Cơ sở dữ liệu dùng cho hoạt động của công ty được lưu trữ trên hệ cơ sở dữ liệu Oracle, được sao lưu thường xuyên với một lịch trình tự động và được định kỳ lưu trữ bằng băng từ nhằm đảm bảo dữ liệu cập nhật nhất trong trường hợp cần phải khôi phục dữ liệu.

*** Phần mềm nghiệp vụ**

Hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán của VNS có khả năng đáp ứng yêu cầu khắt khe của UBCKNN, HNX và HSX và an toàn bảo mật trong quản lý giao dịch chứng khoán.

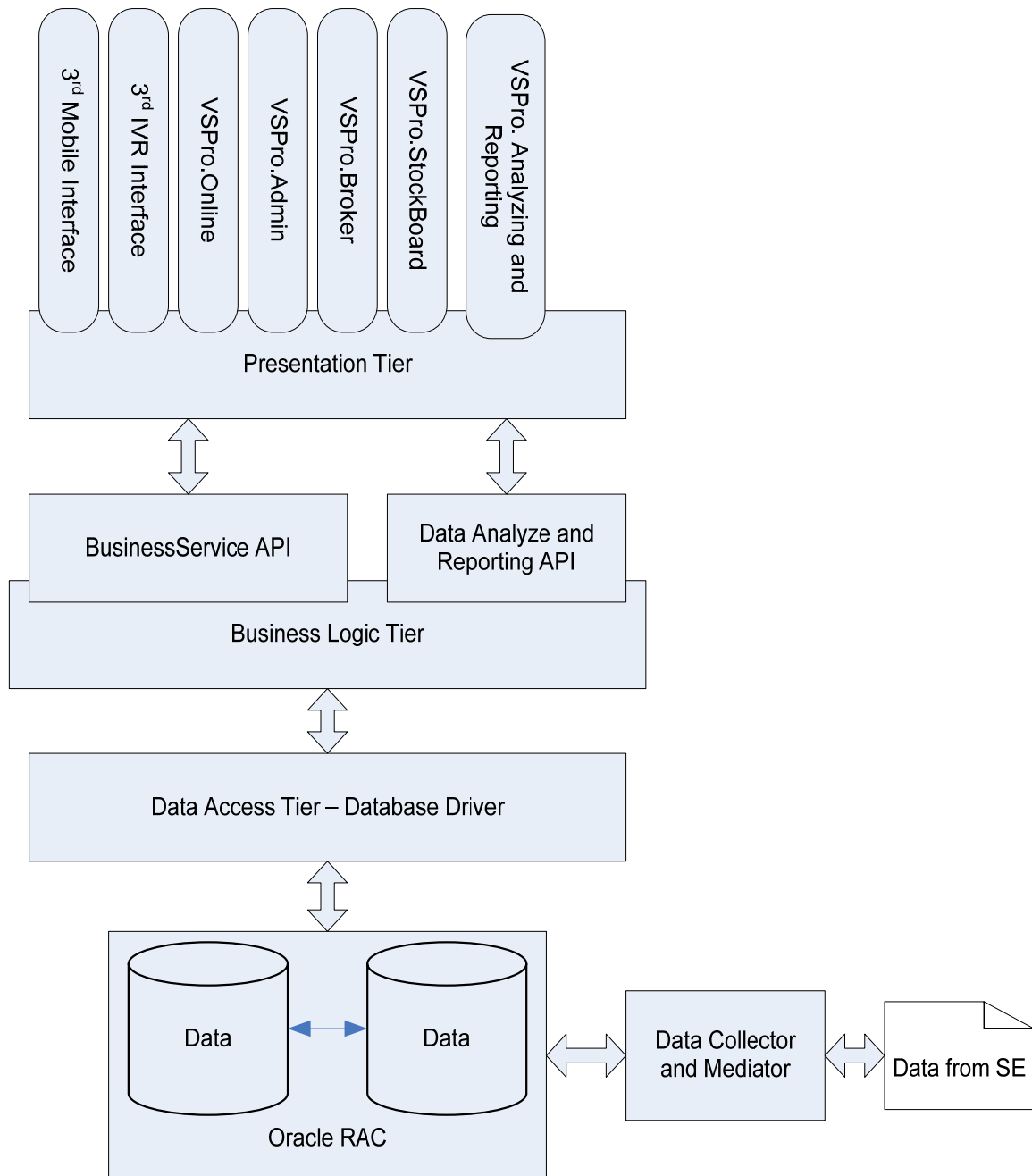
Phần mềm quản lý giao dịch chứng khoán VSPro

Hệ thống hoạt động dựa trên cơ sở dữ liệu Oracle 10G R2 với cấu trúc (module) gồm: phân hệ quản trị Admin, phân hệ quản lý khách hàng, phân hệ quản lý chứng khoán, phân hệ quản lý đặt lệnh, phân hệ quản lý tiền, phân hệ quản lý bảng mã kế toán, phân hệ quản lý báo cáo và hệ thống Eboard.

Một số đặc tính của phần mềm giao dịch chứng khoán của VNS là: độ bảo mật cao với cơ chế xác thực 2 yếu tố sử dụng thẻ ma trận hay token sinh số ngẫu nhiên của hãng RSA; khả năng xử lý thông tin và giao dịch chứng khoán nhanh và đảm bảo; kết nối với các phần mềm khác: Kết chuyển dữ liệu kế toán cho phần mềm kế toán; Kết nối với CallCenter; Kết nối với SMS; Kết nối với phần mềm của HNX, HSX và Trung tâm lưu ký (mở rộng cho sau này).

Ngoài mức độ an ninh và bảo mật cao, VSPro còn có chức năng sao lưu dữ liệu định kỳ hàng ngày, hàng tháng sử dụng cơ chế sao lưu, phục hồi sự cố của Oracle đảm bảo phục hồi dữ liệu khi có sự cố giao dịch. VSPro còn giúp quản lý tách biệt dữ liệu giữa nhà đầu tư có sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến và nhà đầu tư không giao dịch trực tuyến bằng cách phân biệt các lệnh đặt từ các nguồn khác nhau: đặt lệnh trực tiếp, thông qua Web, phần mềm VSpro-yourself hay qua điện thoại.

Mô hình 3 lớp của VSPro



Ngoài ra, VNS còn nghiên cứu và phát triển nhiều phần mềm ứng dụng phục vụ khách hàng qua Internet như: phần mềm Tradingonline, phần mềm VSPro-Yourself, Website cung cấp thông tin chứng khoán, bảng điện tử Inforshow phục vụ cập nhật trực tuyến giá chứng khoán, hệ thống SMS gửi tin nhắn thông báo thông tin khớp lệnh đến nhà đầu tư ...

Bên cạnh đó, VNS đã ban hành quy trình kiểm soát rủi ro một cách chặt chẽ cho hệ thống giao dịch trực tuyến và cơ sở kỹ thuật cũng như cách khắc phục khi có sự cố xảy ra. Đồng thời xây dựng kế hoạch kiểm soát các phần mềm nghiệp vụ liên kết với phần mềm giao dịch trực tuyến.

* **Nhân sự CNTT**

VNS đã tiến hành xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý phát triển CNTT dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực IT với trình độ chuyên môn cao để vận hành an toàn và có hiệu quả hệ thống CNTT. Đồng thời củng cố và mở rộng đội ngũ nhân viên, tạo điều kiện cho các cán bộ có thể học tập, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của thị trường và nhà đầu tư.

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới là hoạt động được VNS đặc biệt coi trọng nhằm mang lại lợi ích ngày càng tốt hơn cho khách hàng.

Về Công nghệ thông tin hỗ trợ nhà đầu tư, VNS đã đầu tư hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định. Các giao dịch của nhà đầu tư được thực hiện nhanh chóng, an toàn, hiệu quả, với phương thức giao dịch đa dạng và phong phú. Kết quả giao dịch của nhà đầu tư được thông tin kịp thời. Phần mềm quản lý danh mục đầu tư Trading Yourself hỗ trợ các nhà đầu tư đầu tư có hiệu quả, giảm thiểu được rủi ro về vốn. Các thông tin về chứng khoán và thị trường chứng khoán được cập nhật thường xuyên và đến được các nhà đầu tư kịp thời.

Về tư vấn đầu tư, ngoài việc liên tục cung cấp các thông tin cập nhật, kết quả phân tích về chứng khoán và thị trường chứng khoán mà các nhà đầu tư quan tâm cũng như tổ chức các hội thảo hàng tuần để cung cấp kiến thức chuyên sâu cho nhà đầu tư, tại sàn giao dịch của VNS còn có cán bộ phân tích thông báo ngay tức thì những kết quả phân tích về diễn biến thị trường giúp các nhà đầu tư có được quyết định đầu tư kịp thời.

Về các sản phẩm, dịch vụ tài chính, VNS rất tích cực hợp tác với các ngân hàng và tổ chức tài chính để tạo điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư có thể tiếp cận được nguồn vốn tín dụng thông qua các dịch vụ vay cầm cố chứng khoán, vay ứng trước tiền bán chứng khoán, v.v.

Đối với các khách hàng doanh nghiệp, VNS cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng. Thực tế VNS đã rất thành công trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn phát hành, niêm yết, cổ phần hoá cho các khách hàng trong nước.

6.6. Hoạt động Marketing

Công ty xác định mục tiêu hoạt động marketing và quan hệ công chúng là để khách hàng, công chúng hiểu biết được thực chất tiềm năng, thế mạnh cũng như chất lượng các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Nguyên tắc hoạt động marketing là trung thực, hiệu quả. Từ đó, tạo mối quan hệ gần gũi, thân thiện và hợp tác lâu bền giữa Công ty với khách hàng.

Về quan hệ công chúng, Công ty đã có nhiều hoạt động tích cực với phương châm hoạt động này phải thực sự thiết thực, mang lại lợi ích cho khách hàng.

Một số hoạt động thiết thực phục vụ nhà đầu tư và cộng đồng mang tính chất quan hệ công chúng trong thời gian qua gồm:

Hoạt động Marketing:

- Chương trình ra mắt và giới thiệu sản phẩm mới
- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhân viên thái độ phục vụ, ứng xử có văn hoá, phong cách làm việc chuyên nghiệp.
- Định kỳ hàng ngày, tuần, tháng xuất bản Bản tin nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư những thông tin cập nhật về kinh tế và thị trường chứng khoán trong nước và thế giới, cùng những phân tích chuyên sâu giúp các nhà đầu tư có cơ sở đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn.
- Tích cực tham gia và tổ chức các cuộc hội thảo để tăng cường trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, như thảo luận các vấn đề liên quan đến Quản trị Doanh nghiệp khi tham gia vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Hoạt động quan hệ công chúng:

- Tích cực quảng bá hình ảnh công ty thông qua hình thức công bố và đăng tải thông tin có liên quan đến hoạt động của công ty trên báo chí, truyền thông đặc biệt là trên VTV1 trong chương trình Việt Nam và các chỉ số, tổ chức các sự kiện khuếch trương chương hình ảnh công ty, hội thảo nhà đầu tư;...
- Thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt với giới báo chí và giới truyền thông.
- Trong năm 2011, với tiềm lực tài chính ổn định VNS tiếp tục duy trì một ngân sách phù hợp để đảm bảo các hoạt động Marketing và Truyền thông được duy trì liên tục và không bị ngắt quãng.
- Tập trung vào hoạt động Above the line marketing (ATL) bao gồm: Quảng cáo trên truyền hình, báo giấy, báo điện tử và quảng cáo tầm lớn ngoài trời.
- Tập trung vào hoạt động Below the line marketing (BTL) bao gồm: Tổ chức sự kiện, chương trình khuyến mãi, bài viết phóng sự, tham gia thảo luận nhằm tạo lập và dẫn dắt thị trường.

- Tập trung đẩy mạnh Internet Marketing: Việc gia tăng khối lượng giao dịch trực tuyến ngày càng mạnh thì kênh Internet là một công cụ vô cùng quan trọng và không thể thiếu để tiến hành các hoạt động truyền thông và quảng cáo trong năm 2011 và các năm tiếp theo.

6.7. Biểu tượng của Công ty:

VNS có tên đầy đủ là Công ty cổ phần chứng khoán VNS. VNS là viết tắt của Vietnam Star, với định hướng là một doanh nghiệp trẻ, năng động, nhạy bén với các cơ hội và diễn biến của thị trường tài chính, đóng góp tích cực cho sự phát triển phồn vinh của đất nước. Chúng tôi chỉ sử dụng tên viết tắt VNS, ngắn gọn, dễ gọi, thân thiện với khách hàng và đối tác.

Logo của Công ty:



Logo cách điệu chữ VNS, sử dụng 2 màu sắc đặc trưng là màu cam và xanh da trời. Màu xanh tượng trưng cho sự thịnh vượng, màu cam thể hiện sự thân thiện và nồng ấm, như những gì chúng tôi mong muốn dành cho khách hàng và đối tác.

Công ty hiện đang trong quá trình đăng ký bản quyền cho logo của mình.

6.8. Các hợp đồng lớn đã và đang được Công ty thực hiện

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Tên hợp đồng		Đối tác	Trị giá	Thời gian thực hiện
1	Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp		Công ty cao su Đăk Lăk	960	2008 - 2010
2	Tư vấn huy động vốn		Tập đoàn Đức Long Gia Lai	80	2008 - 2011
3	Tư vấn phát hành thêm cổ phiếu		Công ty Cơ giới và xây lắp số 19 (Licogi 19)	100	2008 - 2011
5	Quản lý sổ cổ đông		Công ty Cơ giới và xây lắp số 19 (Licogi 19)	15	2008 - 2011
6	Quản lý sổ cổ đông		Công ty CP Cavico Xây dựng Hạ tầng	20	2007 - 2011
7	Tư vấn huy động vốn		Công ty CP Gạch Men Thanh Thanh	20	2008 - 2011
8	Quản lý sổ cổ đông		Công ty cổ phần Xây lắp điện 1		2007 - 2011
9	Tư vấn nâng cao hình ảnh và tư vấn công bố thông tin		Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh vật tư	120	2008 - 2011
10	Tư vấn bán đấu giá cổ phần		Công ty TNHH Du lịch công đoàn Ban Mê	30	Năm 2009
11	Tư vấn phát hành thêm cổ phiếu		Công ty Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9)	240	2008 - 2011
12	Dịch vụ tư vấn		Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hùng Anh	2% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011

13	Dịch vụ M&A		Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai Group	2% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011
14	Dịch vụ M&A		Công ty CP Đầu tư Gia Tuệ	2% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011
15	Dịch vụ M&A		Công ty CP Quốc Cường Gia Lai	2% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011
16	Dịch vụ M&A		Công ty CP Đầu tư Năm bảy bảy (NBB)	2% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011
17	Dịch vụ tư vấn		Daso Group	1% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011
18	Dịch vụ tư vấn		Sacomreal	0,5% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011

19	Dịch vụ tư vấn		Công ty TNHH Xây dựng, Đầu tư phát triển Lĩnh Phong Conic	2% số tiền đối tác nhận được từ HĐ VNS tư vấn	2009 - 2011
20	Tư vấn phát hành thêm cổ phiếu		Công ty CP Xây lắp Điện 1	100	Năm 2009
21	Quản lý sổ cổ đông		Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại điện lực Miền Bắc	50	2010 - 2011
22	Tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng và chuyển sản niêm yết cổ phiếu		Công ty CP Cơ khí Xăng dầu	80	2010 - 2011
23	Tư vấn cổ phần hóa		Công ty Sông Mã	50	2010 - 2011
24	Tư vấn phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ		Công ty CP Cavico Xây dựng Hạ tầng	60	Năm 2010
25	Tư vấn đăng ký niêm yết cổ phiếu		Công ty CP Cavico Xây dựng Hạ tầng	60	2010 - 2011
26	Dịch vụ quản lý sổ cổ đông		Công ty CP Rượu Hapro		2010 - 2011
27	Tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng và đăng ký niêm yết bổ sung		Công ty CP In Diên Hồng	30	2010 - 2011
28	Tư vấn phát hành riêng lẻ		Công ty CP Vĩnh Hòa	60	Năm 2010
29	Tư vấn bán đấu giá phần vốn Nhà nước		Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước	2.000	2008 - 2011
Tổng cộng				4.075	

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán VNS)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

(Đơn vị: đồng)

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm	Quý I/2011
Tổng tài sản	237.642.677.281	297.944.184.039	25,37%	270.054.765.214
Doanh thu thuần	52.500.644.640	76.934.600.355	46,54%	11.121.506.158
Lợi nhuận từ HĐKD	-3.956.809.573	32.734.820.965	927,30%	927.941.591
Lợi nhuận khác	6.330.728.887	-60.724.462	-	(65.930.301)
Lợi nhuận trước thuế	2.373.919.314	32.674.096.503	1276,38%	862.011.290
Lợi nhuận sau thuế	2.373.919.314	31.512.548.181	1227,45%	513.801.660
Tỷ lệ LN trả cổ tức	0%	15,33%	15,33%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 của Công ty Cổ phần chứng khoán VNS

Lưu ý: không thực hiện tính % tăng/giảm Lợi nhuận khác do Lợi nhuận khác năm 2010 bị âm.

Doanh thu của Công ty năm 2010 đạt 76.934.600.355 đồng, tăng 46,54% so với năm 2009. Sự phục hồi của nền kinh tế trong năm 2009, cũng như diễn biến thuận lợi của thị trường chứng khoán đã làm cho giá trị giao dịch chứng khoán trong năm 2009 tăng mạnh so với năm 2008, điều này giúp tăng doanh thu cho hoạt động môi giới của Công ty cũng như các hoạt động kinh doanh khác, làm cho tổng giá trị Doanh thu thuần năm 2009 tăng mạnh so với năm 2008. Bước sang năm 2010, thị trường chứng khoán bị sụt giảm do các tín hiệu xấu của nền kinh tế, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động môi giới của công ty. Nếu nhìn vào cơ cấu doanh thu của Công ty sẽ thấy doanh thu môi giới của Công ty bị sụt giảm, tuy nhiên nhờ tăng doanh thu khác và Doanh thu hoạt động đầu tư, góp vốn nên Doanh thu thuần năm 2010 của Công ty vẫn tăng khá mạnh so với năm 2009.

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty đạt 31.512.548.181 đồng, tăng mạnh so với năm 2009. Nguyên nhân lợi nhuận năm 2010 của Công ty tăng đột biến so với năm 2009 là do trong năm 2010 Công ty đã thực hiện bán các chứng khoán đã trích lập dự phòng trong năm 2009 với giá cao hơn thời điểm trích lập nên khoản hoàn nhập dự phòng đã mang lại cho Công ty khoản lợi nhuận gộp 9.856.051.647 đồng. Ngoài ra hoạt động kinh doanh khác mà chiếm tỷ trọng lớn nhất là hoạt động góp vốn đầu tư thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh cũng mang lại cho Công ty khoản lợi nhuận gộp 23.893.886.446 đồng. Hoạt động

môi giới chứng khoán cũng mang lại cho Công ty khoản lợi nhuận gộp khá lớn là 17.221.136.479 đồng.

Doanh thu thuần Quý I/2011 của Công ty đạt 11.121.506.159 đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 513.801.660 đồng. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2011 của Công ty đạt không cao, nguyên nhân chính là do tình hình thị trường chứng khoán Quý I/2011 diễn biến không thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Tình hình lạm phát tăng cao, các chính sách tiền tệ nhằm thắt chặt cho vay đối với chứng khoán và bất động sản được thực thi dẫn đến thị trường chứng khoán bị tác động mạnh theo chiều hướng xấu.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Năm 2010 là năm không thuận lợi đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, nhiều nhà đầu tư kể cả các nhà đầu tư tổ chức đã chịu nhiều thua lỗ. Các mảng hoạt động kinh doanh nhất là mảng môi giới của các Công ty chứng khoán gặp nhiều khó khăn do tính thanh khoản của thị trường luôn ở mức thấp, dòng tiền đổ vào thị trường bị thu hẹp. Mặc dù thị trường không thuận lợi nhưng năm 2010 là năm kinh doanh thắng lợi của Công ty với mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận tương đối ấn tượng.

Lạm Phát-Tỷ giá

Năm 2010 là năm chứng kiến sự biến động thất thường của thị trường tiền tệ với đặc trưng cơ bản là lạm phát tăng cao vào những tháng cuối năm. Song hành với sức ép lạm phát là mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đứng ở mức rất cao so với mức độ hấp thụ vốn của nền kinh tế. Tỷ giá USD/VND liên tục chịu sức ép kể từ cuối quý III/2010 và tính tới thời điểm cuối quý IV/2010, tỷ giá trên thị trường tự do dao động quanh mức 21.100 đồng, trong khi tỷ giá thị trường liên ngân hàng nằm ở mức 19.500 đồng. Vào đầu tháng 11/2010, Ngân hàng Nhà nước đã quyết định nâng một loạt các mức lãi suất chủ chốt trong đó nổi bật là việc nâng lãi suất cơ bản lên mức 9% lần đầu tiên sau 11 tháng duy trì ở mức 8%. Việc tăng lãi suất cơ bản thực hiện định hướng thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát và trả lãi suất về đúng với diễn biến cung cầu của thị trường và hạ nhiệt tỷ giá.

Chính vì vậy, thị trường chứng khoán năm 2010 đặc biệt là trong quý IV/2010 đã suy giảm cả về chỉ số lẫn tính thanh khoản gây ảnh hưởng lớn đến các mảng hoạt động kinh doanh của các Công ty chứng khoán. Nhiều Công ty chứng khoán sau 3 quý đầu năm hoạt động kinh doanh khá hiệu quả và có lãi, tuy nhiên kết quả kinh doanh của quý IV lại bị thua lỗ.

Chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa

Trong năm 2010 chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đã không có sự phối hợp nhịp nhàng đã tạo ra hiện tượng chèn lấn đối với khu vực tư nhân. Trong Quý I, việc Ngân hàng Nhà nước thắt chặt chính sách tiền tệ trong khi Bộ tài chính lại tăng cường phát hành trái phiếu đã khiến dòng vốn ngân hàng đổ vào trái phiếu chính phủ làm cho các doanh nghiệp khó tiếp cận được nguồn vốn với lãi suất hợp lý. Trước áp lực giải quyết khó khăn của

doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn, chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước cũng buộc phải điều chỉnh theo hướng nói lỏng hơn vào thời điểm giữa năm khi áp lực lạm phát có dấu hiệu giảm bớt vào các tháng giữa năm. Đến quý IV khi mức lạm phát hàng tháng lại tăng cao trên 1% và khả năng lạm phát mục tiêu khó có thể đạt được đồng thời áp lực tỷ giá tăng cao, Ngân hàng nhà nước đã nâng mức lãi suất cơ bản lên thêm 1% từ mức 8%/năm.

Việc điều hành chính sách thiếu nhất quán và ổn định đã khiến các doanh nghiệp trong nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn trong kinh doanh và với rủi ro về chính sách này đã khiến nền kinh tế trong năm không đạt được các các mục tiêu ổn định vĩ mô và giá trị đồng tiền.

Thâm hụt ngân sách - thâm hụt thương mại

Trong năm 2010 nền kinh tế đối mặt với tình trạng thâm hụt ngân sách ở mức cao, nợ nước ngoài cũng lên mức khá cao gần 50%GDP và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Sự gia tăng nợ công và thâm hụt ngân sách sẽ là rào cản không nhỏ đối với hoạt động huy động vốn ngoại tệ trong thời gian tới. Ngoài ra thâm hụt thương mại đặc biệt là thâm hụt thương mại với Trung Quốc đang ở mức cao dần tiến tới mức độ báo động, ảnh hưởng đến tính phát triển bền vững của nền kinh tế cũng như ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của thị trường chứng khoán trong giai đoạn tới.

Sự phục hồi của thị trường chứng khoán thế giới và Mỹ

Năm 2010 là năm chứng kiến sự phục hồi của thị trường chứng khoán thế giới và Chứng khoán Mỹ. Chứng khoán Mỹ đã vượt lên trên mốc 11.000 điểm vào thời điểm cuối năm. Tuy nhiên thị trường chứng khoán Mỹ và thế giới chưa thực sự tăng trưởng bền vững do còn những lo ngại khả năng vỡ nợ tại một số nước châu Âu, những bất ổn của nền kinh tế Mỹ và đặc biệt là về việc tăng lãi suất cơ bản của Mỹ...Điều này tác động không nhỏ đến hành vi tâm lý của nhà đầu tư trong nước.

Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt

Hiện nay, có trên 100 công ty chứng khoán tham gia thị trường, trong khi đó quy mô thị trường còn quá nhỏ bé. Vì vậy cạnh tranh, giành giật thị phần giữa các công ty chứng khoán ngày càng gay gắt cả về công nghệ, địa bàn hoạt động, chất lượng sản phẩm dịch vụ và phí dịch vụ. Chiến dịch giảm phí giao dịch, giảm phí tư vấn rất rõ rệt làm doanh thu công ty bị ảnh hưởng. Ngược lại, để nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã tích cực đầu tư để nâng cao chất lượng dịch vụ, hình ảnh, thương hiệu của Công ty. Các khoản chi phí đầu tư tăng, trong khi đó việc tăng doanh thu có nhiều khó khăn. Do đó kết quả kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng.

Bảng tóm tắt các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Thuận lợi	Khó khăn
<ul style="list-style-type: none"> - Sự phục hồi của thị trường chứng khoán Mỹ và thế giới do các chính sách kích thích kinh tế đã có tác động không nhỏ tâm lý nhà đầu tư trong nước. - Chiến lược kinh doanh được thay đổi một cách linh hoạt và phù hợp với nhu cầu thị trường: tập trung vào việc nâng cao chất lượng các dịch vụ và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin. 	<ul style="list-style-type: none"> - Để thực hiện mục tiêu hạn chế lạm phát, Chính phủ đã thực hiện các biện pháp thắt chặt tiền tệ bằng cách hạn chế cho vay trong lĩnh vực phi sản xuất trong đó có thị trường chứng khoán, điều này gây ảnh hưởng tâm lý không tốt cho nhà đầu tư. - Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các Công ty chứng khoán khác về phí giao dịch, dịch vụ tài chính và trình độ công nghệ. - Đầu tháng 11/2010, NHNN đã tiến hành nâng mức lãi suất cơ bản lên 9% nhằm kiềm chế lạm phát, điều này đã khiến cho thị trường chứng khoán quý IV/2010 suy giảm mạnh, ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Là công ty chứng khoán ra đời tháng 08 năm 2007 ở Việt Nam, nơi thị trường chứng khoán còn rất non trẻ, với vốn điều lệ ban đầu là 161 tỷ đồng, VNS đã có được vị trí nhất định trên thị trường chứng khoán. Đến nay, Công ty đã đáp ứng quy định về vốn pháp định để thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán như môi giới, lưu ký, tự doanh, tư vấn tài chính doanh nghiệp. Lượng tài khoản đăng ký mở và giao dịch tại Công ty tăng nhanh chóng, dần chiếm một thị phần đáng kể trên thị trường. Tổng số tài khoản của Công ty đến hết tháng 12/2010 là 10.397 tài khoản, điều này làm thị phần môi giới của VNS cũng đã tăng lên đáng kể.

Về dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng như các dịch vụ tư vấn khác cũng được Công ty chú trọng và đang triển khai mạnh mẽ. Nhờ cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và con người được đầu tư mạnh, hình ảnh VNS ngày càng được nhân rộng và biết đến như một nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, trọn gói trong lĩnh vực chứng khoán.

Điểm mạnh

✚ Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, quyết định thành công của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán. Nhận thức rõ điều này, VNS đã chú trọng khâu tuyển dụng nhằm thu hút đội ngũ lãnh đạo cũng như chuyên viên có trình độ và chuyên nghiệp trong công việc.

Bộ máy lãnh đạo của VNS gồm nhiều chuyên gia có trình độ cao trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, có kinh nghiệm, tầm nhìn chiến lược và trình độ quản trị lâu năm trong lĩnh vực chứng khoán, kiểm toán.

Với tầm nhìn chiến lược và định hướng lãnh đạo đúng đắn, VNS cũng thu hút được nhiều nhân tài, có kinh nghiệm chuyên sâu đảm nhiệm vị trí lãnh đạo các phòng ban. Ngay từ thời điểm thành lập công ty năm 2007, khi thị trường chứng khoán Việt Nam còn đang trong tình trạng thiếu nhân sự nhưng VNS đã rất chú trọng khâu tuyển dụng nhân viên. Đội ngũ nhân viên nghiệp vụ của Công ty đều có chứng chỉ hành nghề, và trung bình đã có kinh nghiệm 3 năm trong lĩnh vực chứng khoán, kiểm toán.

Bên cạnh việc thu hút nhân tài, VNS cũng chú trọng xây dựng mức lương thưởng hợp lý, môi trường làm việc chuyên nghiệp, cạnh tranh lành mạnh để phát triển, khẳng định bản thân, giúp nhân viên toàn tâm toàn ý cho sự phát triển chung của Công ty.

Tầm nhìn chiến lược và trình độ quản trị của Ban lãnh đạo, tính chuyên nghiệp của nhân viên và sự đồng lòng nhất trí vì sự phát triển chung của VNS sẽ giúp Công ty thu được những thành công hơn nữa trong tương lai.

✚ Công nghệ hiện đại

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt khi các Sở Giao dịch chứng khoán đưa hệ thống khớp lệnh trực tuyến vào hoạt động, công nghệ trở nên đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ cạnh tranh cho khách hàng. Với nhận thức con đường phát triển nhanh nhất, bền vững nhất của một Công ty chứng khoán mới trên thị trường là đầu tư mạnh cho công nghệ, dịch vụ, VNS đã triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán hiện đại VSPRO

Hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán của VSPRO đã hoạt động ổn định từ ngày 30/9/2009 và được các khách hàng đánh giá rất cao. Hệ thống giao dịch chứng khoán này đã giúp VNS thu hút rất nhiều khách hàng mới và làm tăng thị phần môi giới chứng khoán lên gấp 3 lần so với trước đây.

✚ Cơ chế kinh doanh linh hoạt

Hiện tại, VNS có các cơ chế kinh doanh như cơ chế lương, cơ chế môi giới và phát triển khách hàng rất linh hoạt góp phần vào việc tăng cường năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp và gia tăng hiệu quả cũng như quy mô hoạt động kinh doanh.

VNS đã triển khai từ tháng 6/2009 cơ chế cộng tác phát triển khách hàng, cơ chế hoa hồng để tăng thị phần môi giới chứng khoán, nâng cao vị thế của Công ty trên thị trường. Do đó đã thu hút được nhiều các bộ môi giới giỏi về làm việc cũng như tạo động lực rất lớn để các cán bộ nhân viên có động lực làm việc và mang lại hiệu quả rõ rệt.

Điểm yếu

✚ Tiềm lực vốn

Tính đến thời điểm 31/12/2010, vốn điều lệ của VNS đạt **161 tỷ đồng**, thuộc mức trung bình so với các công ty trong ngành.

✚ Thị phần môi giới còn thấp

Thị phần môi giới chứng khoán của Công ty còn thấp, chưa thu hút được nhiều khách hàng đến mở tài khoản và giao dịch tại Công ty đặc biệt là các khách hàng VIP, khách hàng tổ chức có giá trị giao dịch lớn ngay cả khi phần mềm giao dịch chứng khoán hiện đại đã đi vào hoạt động.

Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá điểm yếu này là khách quan và có thể khắc phục. Trong năm 2010, VNS đã có những bước đột phá về chiến lược bằng việc nỗ lực nâng cao thương hiệu, gây dựng thị phần qua việc đầu tư hệ thống công nghệ thông tin core securities phát triển thêm nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cho nhà đầu tư như bản tin phân tích, hợp đồng hỗ trợ tài chính... và VNS đang nỗ lực không ngừng trong việc nghiên cứu, nhằm đem đến những tiện ích tốt nhất đến nhà đầu tư. Từ những nỗ lực trên, tốc độ tăng trưởng số lượng tài khoản của Công ty rất nhanh. Tính đến ngày 31/03/2010, số lượng tài khoản khách hàng mở lên tới 10.037 tài khoản. Điều này đã thể hiện sự coi trọng của nhà đầu tư tới chất lượng dịch vụ của VNS. Sự tin tưởng của khách hàng chính là tiền đề giúp hoạt động môi giới của Công ty ngày càng nâng cao hiệu quả.

Triển vọng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam và VNS

✚ Thị trường chứng khoán đã trở thành kênh huy động vốn, kênh đầu tư hiệu quả của nền kinh tế

Cùng với đà tăng trưởng của nền kinh tế, TTCK Việt Nam đã có sự tăng trưởng vượt bậc sau 10 năm hoạt động. Thị trường đã khẳng định ưu thế là kênh huy động vốn hiệu quả khi theo thống kê của UBCKNN, thị trường chứng khoán Việt Nam đã huy động được hơn 90.000 tỷ đồng vốn từ các hoạt động phát hành, đấu giá để đáp ứng kịp thời và có hiệu quả hoạt động kinh doanh⁽¹⁾. Mặc dù trong năm 2008, sự sụt giảm của thị trường khiến lượng vốn huy động của các doanh nghiệp sụt giảm nhưng TTCK vẫn được xem là kênh huy động vốn hiệu quả nhất đối với các chủ thể cần vốn. Và theo kế hoạch cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ năm 2011, cả nước còn nhiều Tổng công ty phải cổ phần hóa, đáng chú ý là các doanh nghiệp lớn thuộc các ngành kinh tế trọng điểm như tài chính, năng lượng, bưu chính viễn thông..., Nhà nước còn cần huy động nguồn vốn khá lớn từ trái phiếu phục vụ cho mục đích đầu tư phát triển. Đây là lượng hàng hóa có chất lượng, thu hút nhiều

nhà đầu tư quan tâm, tạo điều kiện thúc đẩy thị trường phát triển bền vững. Và lượng cung hàng hóa này sẽ làm gia tăng hiệu quả hoạt động môi giới, tư vấn, bảo lãnh phát hành cho các công ty chứng khoán nói chung và VNS nói riêng.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, TTCK đã thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư cả trong và ngoài nước tham gia, trở thành kênh đầu tư hiệu quả của nền kinh tế. Số lượng tài khoản giao dịch của nhà đầu tư đã tăng trưởng vượt bậc, từ mức 140.000 tài khoản vào cuối năm 2006 đã lên tới hơn 400.000 tài khoản vào cuối năm 2008 và đạt 793.000 tài khoản vào cuối năm 2009 tăng gần 50% so với năm 2008 ⁽²⁾.

✚ Quy mô thị trường đang gia tăng mạnh

Tính đến ngày 4/5/2010, giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam đạt 740.433 tỷ đồng, bằng 45% GDP năm 2009. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn còn thiếu những mã chứng khoán có giá trị vốn hóa trên 1 tỷ USD. Điều này sẽ ảnh hưởng đến nhận định đầu tư của khối ngoại cũng như khiến TTCK chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư, chưa thể hiện đúng vai trò là hàn thử biểu của nền kinh tế. Theo đề án phát triển thị trường vốn Việt Nam đến năm 2010, định hướng 2020 của Thủ tướng Chính phủ, tổng giá trị vốn hóa thị trường sẽ bằng 50% GDP vào năm 2010 và huy động vốn cho đầu tư phát triển qua thị trường vốn đạt 16% GDP. Định hướng đẩy mạnh phát triển TTCK này sẽ giúp thị trường được Chính phủ chú trọng quan tâm, đẩy mạnh hoàn thiện hành lang pháp lý, tăng nguồn cung có chất lượng cho thị trường, giúp TTCK ngày càng thể hiện vị thế là kênh huy động vốn, kênh đầu tư chủ đạo trong nền kinh tế.

✚ Sản phẩm hàng hóa cho thị trường còn chưa nhiều

Hiện nay, TTCK Việt Nam chỉ đơn thuần giao dịch chứng khoán, chưa có các sản phẩm phái sinh và các hình thức giao dịch như quyền chọn, bán khống. Đối với một TTCK phát triển, sản phẩm đầu tư, hình thức đầu tư trên thị trường phải đa dạng, đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của nhà đầu tư. Thực tế khi thị trường sụt giảm mạnh, tính thanh khoản toàn thị trường giảm sút nghiêm trọng do không có phương thức đầu tư bán khống khi nhận định xu hướng đi xuống của thị trường. Cũng như khi thị trường đi lên, bên bán ra nắm giữ chứng khoán không chịu bán ra, trong khi không có công cụ hợp đồng quyền chọn hỗ trợ nhà đầu tư, khiến tính thanh khoản toàn thị trường cũng giảm sút, giảm cơ hội của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, thời gian giao dịch hiện nay là T+3, thực tế đến ngày T+4, nhà đầu tư mới có tiền hoặc chứng khoán về để tiếp tục giao dịch, chậm hơn nhiều so với các thị trường thế giới, khiến nhà đầu tư có thể không tận dụng được cơ hội thị trường.

Hiện tại, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh đang chủ trương giao dịch thêm phiên buổi chiều, cho phép nhà đầu tư mở nhiều tài khoản và đẩy mạnh công nghệ, trước mắt áp dụng thời gian giao dịch T+1 đối với giao dịch thỏa thuận lô lớn 100.000 đơn vị. Những nỗ lực này sẽ giúp thị trường tăng tính thanh khoản, phản ánh rõ hơn những biến động thị trường, từ đó thu hút nhà đầu tư.

🚩 Tiềm năng phát triển còn rất lớn

Nền kinh tế Việt Nam có đà tăng trưởng thuộc mức cao nhất thế giới, trung bình trong 5 năm qua đạt gần 8%/năm. Mặc dù cùng với những bất ổn của yếu tố vĩ mô trong nước và đà suy thoái của nền kinh tế toàn cầu, TTCK Việt Nam đã có sự sụt giảm mạnh trong năm 2008, thoát khỏi ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính toàn cầu vào cuối năm 2009 và đang bắt đầu phục hồi, tăng trưởng bền vững trong giai đoạn năm 2010-2011 trở đi. Với xu hướng này, TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục có những bước phát triển cao hơn nữa, là cơ hội cho các công ty chứng khoán có tầm nhìn chiến lược nắm bắt và đi đến thành công.

Thị trường chứng khoán Việt Nam từ khi ra đời đến nay đã trải qua nhiều thời kỳ thăng trầm, nhưng nhìn chung đã đạt được tốc độ phát triển khá nhanh. Thị trường sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong tương lai bởi các lý do sau:

Thị trường chứng khoán Việt Nam được Chính phủ và các tổ chức có liên quan hết sức quan tâm, tạo điều kiện phát triển, trong đó phải kể đến sự quan tâm đặc biệt của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, cũng như nhiều cơ quan khác. Một số hoạt động và chính sách tạo điều kiện hỗ trợ thị trường và hỗ trợ hoạt động của các công ty chứng khoán điển hình là:

- Sự quan tâm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với sự ra đời và phát triển của thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM);
- Các quy định về tài trợ giao dịch được ban hành sẽ thúc đẩy gia tăng giá trị giao dịch; Nhiều khả năng việc giao dịch ký quỹ (margin trading) sẽ được thông qua trong năm 2010. Đây sẽ là một bước tiến quan trọng của TTCK Việt Nam. Hệ quả của việc áp dụng giao dịch ký quỹ sẽ là sự gia tăng về mức độ sử dụng vốn và luân chuyển vốn của nhà đầu tư, một yếu tố quan trọng cho thành công của các công ty môi giới.
- Việc kết nối trực tuyến giữa các công ty chứng khoán với cả SGDCCK Thành phố Hồ Chí Minh và SGDCCK Hà Nội đã và đang tạo điều kiện thuận lợi nhiều hơn cho giao dịch, tránh hiện tượng tắc nghẽn. Điều đó làm tiền đề cho việc tăng trưởng giao dịch trong tương lai.
- Việc quy định bắt buộc phải có tổ chức bảo lãnh phát hành cổ phần với quy mô vốn hơn 100 tỷ đồng sẽ tạo điều kiện phát triển hoạt động bảo lãnh phát hành và hỗ trợ thị trường hoạt động chuyên nghiệp hơn.
- Chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước sẽ giúp thị trường phát triển với quy mô ngày càng lớn hơn.
- Yêu cầu ngày càng cao của các cơ quan quản lý đối với các doanh nghiệp niêm yết về sự công khai, minh bạch sẽ bảo đảm cho sự phát triển bền vững của thị trường.

Nền kinh tế nước ta đang tiếp tục phát triển nhanh trong những năm tới sẽ là nhân tố cơ bản cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.

Yếu tố có vai trò hết sức quan trọng thúc đẩy sự phát triển của thị trường là ngày càng có nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư trong cũng như ngoài nước quan tâm đến thị trường, thể hiện ở số lượng công ty niêm yết ngày một đông đảo, các nhà đầu tư mới tham gia thị trường cũng tăng đáng kể.

✚ Thách thức

❖ Áp lực cạnh tranh ngành

Cạnh tranh giữa các Công ty chứng khoán

Trong giai đoạn TTCK khó khăn và sự tham gia của ngày càng nhiều công ty chứng khoán trên thị trường, vấn đề cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng trở nên gay gắt. Các công ty chứng khoán liên tiếp đưa ra các hình thức khuyến mại như giảm phí giao dịch, tặng quà, hỗ trợ khi mở tài khoản mới, trả thuế TNCN từ đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư... Việc thu hút và tìm kiếm nhà đầu tư mới ngày càng khó khăn, buộc VNS phải thực hiện khá nhiều hình thức khuyến mại, từ đó làm tăng chi phí kinh doanh của Công ty.

Mặt khác, hình thức cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng phát triển, không chỉ dựa trên mức phí mà cả những dịch vụ tiện ích đến nhà đầu tư, tạo sức ép không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ đối với khách hàng.

Cạnh tranh của các kênh đầu tư khác

Với sự phát triển của thị trường tài chính, thị trường đầu tư, ngày càng có nhiều kênh đầu tư thu hút nhà đầu tư tham gia như vàng, ngoại tệ, bất động sản, lãi suất, hàng hoá..., làm giảm nguồn tiền đổ vào TTCK, từ đó ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của thị trường.

❖ Áp lực về chất lượng TTCK trưởng thành

Với quy mô hiện tại, TTCK Việt Nam còn quá nhỏ so với các TTCK trong khu vực và trên thế giới vốn có hàng nghìn doanh nghiệp niêm yết và được sự quan tâm của đại bộ phận dân chúng. Và các công ty chứng khoán đang hoạt động, trong đó có VNS mặc dù trình độ hoạt động đã đáp ứng tốt yêu cầu hiện nay nhưng sự tăng trưởng mạnh của thị trường khi nền kinh tế phục hồi và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt ở lĩnh vực chứng khoán trong thời gian tới sẽ đem đến thách thức khá lớn cho các công ty chứng khoán về trình độ công nghệ, quy mô hoạt động, quy mô vốn, chất lượng nhân sự và chất lượng quản trị.

❖ Áp lực từ Chính sách

Sự thay đổi của chính sách vĩ mô có tác động không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó tác động đến TTCK, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của VNS.

TTCK Việt Nam còn non trẻ, hệ thống pháp luật điều chỉnh hiện còn chưa đồng bộ. Ngoài chịu tác động của Luật chứng khoán, những chính sách của Chính phủ nhằm tác động đến những yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường. Sự tác động của chính sách đến thị trường, dù tích cực hay tiêu cực cũng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả

kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và VNS nói riêng.

Nguồn:

(1): <http://vtc.vn/1-170793/kinh-te/nam-2007-ttck-huy-dong-90000-ty-dong.htm>

(2): <http://vnsd.vn>

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Tình hình lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2010

Tính đến thời điểm 31/12/2010, VNS có tổng số 79 lao động. Cán bộ nhân viên của VNS chủ yếu là các cán bộ có trình độ Đại học trở lên được đào tạo tại các trường Đại học uy tín trong và ngoài nước về trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kiểm toán và quản trị kinh doanh. Cơ cấu lao động theo trình độ tính đến ngày 31/12/2010 được phân bổ như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Trên Đại học	3	4%
Đại học	57	72%
Cao đẳng và Trung cấp	12	15%
Lao động phổ thông	7	9%
Tổng cộng	79	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của cán bộ nhân viên đối với Công ty.

Nghỉ phép, lễ, tết

Cán bộ nhân viên toàn Công ty được nghỉ Lễ, Tết theo đúng Quy định của Luật lao động, các CBNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc

Điều kiện làm việc

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc hiện đại cần thiết cho CBNV. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc trong từng phòng/ban của Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ nhân viên trong thời gian sớm nhất.

b. Chính sách thu hút lao động và đào tạo

Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài

VNS dành các chế độ tốt nhất về lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ thỏa đáng khác đối với các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển nhằm tạo sự khuyến khích và tinh thần làm việc, nâng cao chất lượng công việc.

Đào tạo nâng cao trình độ

Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua việc tập trung đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đa dạng nghiệp vụ tại các đơn vị đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

Nhằm liên tục nâng cao chất lượng nhân sự, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, hội thảo nội bộ trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho các CBNV.

c. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi xã hội.

Chính sách lương

Chính sách lương của VNS được xây dựng trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của từng cán bộ nhân viên, đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của Pháp luật phù hợp với năng lực, trình độ của từng người, đảm bảo tính cạnh tranh đối với các Công ty khác cùng ngành. Thu nhập của người lao động là tổng hợp lương cơ bản, lương kinh doanh và các khoản thưởng khác tùy theo cống hiến của người lao động. Trong đó, lương cơ bản được xây dựng trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm đối với từng vị trí công việc. Lương kinh doanh được xây dựng trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và sự đóng góp của từng Người lao động vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Chính sách thưởng

Quy định khen thưởng áp dụng với toàn thể CBNV có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của Công ty. Chính sách thưởng được áp dụng như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty.
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo quy chế lương của Công ty).
- Được tham gia các khóa đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu công việc.

- Được hưởng các chế độ đãi ngộ khác như tham gia mua cổ phiếu ưu đãi của Công ty, đi du lịch, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

Bảo hiểm và phúc lợi

VNS thực hiện trích nộp đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật. Công đoàn công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống hàng ngày của CBNV. Hàng năm, Công ty tổ chức cho toàn thể CBNV được đi du xuân đầu năm và nghỉ mát mùa hè tại các khu du lịch cao cấp trong nước. Các hoạt động của Công ty và công đoàn Công ty là các hoạt động tích cực gắn kết người lao động trong Công ty xây dựng lên một VNS vững mạnh.

10. Chính sách cổ tức

Công ty có chủ trương chi trả một mức cổ tức hợp lý trong phạm vi lợi nhuận sau thuế, sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Mức cổ tức được chi trả đảm bảo cân đối giữa lợi ích trước mắt của các cổ đông và lợi ích lâu dài (phần để lại để bổ sung vốn kinh doanh). Cổ tức cụ thể trả hàng năm, do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tỷ lệ cổ tức năm 2009, 2010:

Năm	2009	2010
Tỷ lệ cổ tức	0%	3%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty cổ phần chứng khoán VNS năm 2010, 2011)

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2010 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS diễn ra ngày 27/02/2011 thông qua, tuy nhiên đến thời điểm đăng ký niêm yết Công ty vẫn chưa tiến hành thực hiện chi trả khoản cổ tức này cho các cổ đông hiện hữu.

Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05
Phần mềm máy tính	05 - 08

(Nguồn: BCTC kiểm toán Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

b. Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty theo các năm như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	2009	2010
Thu nhập bình quân	6.511.000	7.790.000

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ, đảm bảo uy tín uy tín của Công ty. Việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

d. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

e. Các khoản Đầu tư chứng khoán

Số dư các khoản đầu tư chứng khoán:

(Đơn vị: đồng)

Danh mục	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Đầu tư tài chính ngắn hạn	29.698.799.919	19.289.020.636	11.859.878.795
Cổ phiếu niêm yết	26.069.773.853	15.523.964.570	8.093.822.729
cổ phiếu chưa niêm yết	3.438.026.066	3.764.056.066	3.765.056.066
Trái phiếu	191.000.000	1.000.000	1.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	30.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Tổng các khoản đầu tư	59.698.799.919	38.289.020.636	30.859.878.795

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

(*) Chi tiết các khoản Đầu tư dài hạn khác:

(Đơn vị: đồng)

Danh mục	31/03/2011	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới vàng	15.000.000.000	15,0%
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Điện lực Miền Bắc	4.000.000.000	0,47%
Tổng cộng	19.000.000.000	

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

(Trong tháng 04/2011, Công ty đã thực hiện giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới vàng xuống còn 7,5%)

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

(Đơn vị: đồng)

STT	Danh mục	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
I	Số dư đầu năm	6.349.070.693	13.647.751.366	3.791.699.719
II	Trích lập dự phòng	8.061.569.041	229.112.888	795.463.623
1	Đầu tư ngắn hạn	8.061.569.041	229.112.888	795.463.623
	Cổ phiếu niêm yết	7.553.068.975	229.112.888	795.463.623
	Cổ phiếu chưa niêm yết	508.500.066	0	0
2	Đầu tư dài hạn	0	0	0
III	Hoàn nhập dự phòng	(762.888.368)	(10.085.164.535)	(2.686.839.099)
IV	Tổng cộng	13.647.751.366	3.791.699.719	1.900.324.243

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

Phương pháp trích lập dự phòng:

- Đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh: mức dự phòng được xác định cho từng cổ phiếu khi giá ghi trên sổ kế toán cao hơn giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính;
- Đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội: mức dự phòng được xác định cho từng cổ phiếu khi giá ghi trên sổ kế toán cao hơn giá giao dịch bình quân tại ngày kết thúc năm tài chính;
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:
- + Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- + Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

f. Trích lập các quỹ

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp nhận. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2008 bị lỗ, đến hết năm 2010 mới đủ lợi nhuận để bù đắp khoản lỗ này và tiến hành trích lập các quỹ. Tình hình sử dụng và trích lập các quỹ 2 năm gần đây như sau:

Khoản mục	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	271.963.694
Quỹ dự phòng tài chính	0	0	271.963.694
Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0
Tổng cộng	0	0	543.927.388

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 và BCTC Quý I/2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

g. Tổng dư nợ vay

Trong quá trình thanh toán, Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ, đảm bảo uy tín uy tín của Công ty. Việc thanh toán các khoản nợ được thực hiện đúng hạn và đầy đủ. Hiện nay Công ty không có nợ quá hạn.

Các khoản phải trả

(Đơn vị: đồng)

CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Nợ ngắn hạn	103.069.263.631	131.501.652.233	103.098.431.748
Vay và nợ ngắn hạn (*)		35.000.000.000	-
Phải trả người bán	5.546.485.602	1.846.074.000	101.790.000
Người mua trả tiền trước	192.734.750	85.000.000	115.000.000
Thuế và các khoản phải nộp NN	155.891.437	1.713.606.068	485.849.767
Phải trả người lao động	14.715.857	636.615.754	687.822.095
Chi phí phải trả	521.415.098	586.197.519	995.198.282
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	94.562.368.435	77.567.890.416	88.172.155.916
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	48.831.700	111.803.055	74.300
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		1.209.643.900	332.220.800
Các khoản phải trả phải nộp khác (**)	2.026.820.752	12.744.821.521	12.208.320.588
Nợ dài hạn	27.647.960	3.257.935	3.257.935
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	27.647.960	3.257.935	3.257.935
TỔNG CỘNG	103.096.911.591	131.504.910.168	103.101.689.683

(*) chi tiết các khoản Vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2010:

Đơn vị cho vay	Giá trị (VNĐ)	Thời hạn	Lãi suất	Mục đích vay
Ông Lê Việt Anh	10.000.000.000	1 tháng	1,5%/ tháng	Bổ sung vốn kinh doanh
Bà Vũ Thị Xuân	25.000.000.000	1 tháng	1,5%/ tháng	Bổ sung vốn kinh doanh

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

() Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác:**

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Kinh phí công đoàn	97.613.880	123.608.698	111.290.588
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	52.194.546	54.467.625	105.766.245
Bảo hiểm thất nghiệp			7.081.048
Phải trả tiền đặt cọc đầu giá cho nhà đầu	1.639.581.692		
Phải trả lãi tiền gửi không kỳ hạn của người đầu tư	64.885.252		
Phải trả ngân hàng Đại Tín		12.165.907.378	2.696.322.233
Phải trả phải nộp khác (***)	172.545.382	400.837.820	9.287.860.474
Tổng cộng	2.026.820.752	12.744.821.521	12.208.320.588

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

(*) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác:**

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	31/03/2011
Phải trả Công ty cổ phần Đầu tư FIT	9.000.000.000
Phải trả khác	287.860.474
Tổng cộng	9.287.860.474

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

(Khoản phải trả Công ty cổ phần Đầu tư FIT là khoản tiền Công ty cổ phần Đầu tư FIT chuyển cho VNS để thực hiện đầu tư trái phiếu, tuy nhiên đến thời điểm 31/03/2011 VNS vẫn chưa thực hiện giải ngân được khoản đầu tư này).

h. Các khoản phải thu:

Các khoản phải thu

(Đơn vị: đồng)

CHỈ TIÊU	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Phải thu của khách hàng		78.500.000	
Trả trước cho người bán	395.168.500	498.868.500	536.041.782
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán *	7.873.648.100	141.164.815.541	131.903.998.094
Các khoản phải thu khác **	9.362.656.880	3.533.831.453	6.881.047.491
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(66.881.027)	(66.881.027)
TỔNG CỘNG	17.631.473.480	145.209.134.467	139.254.206.340

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010, Quý I/2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS

(*) Chi tiết các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán:

(Đơn vị: đồng)

Danh mục	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán của NĐT	3.589.362.061	19.554.201.151	14.481.456.514
Phải thu về bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán		120.326.727.263	116.138.654.453
Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán	1.935.091.000	1.217.006.100	1.217.006.100
Phải thu khác của NĐT	133.695.039	66.881.027	66.881.027
Phải thu các hợp đồng Repo chứng khoán	2.215.000.000		
Tổng cộng	7.873.148.100	141.164.815.541	131.903.998.094

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

(**) Chi tiết các khoản phải thu khác:

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	31/03/2011
Dự thu lãi lãi góp vốn		1.495.869.601	
Phải thu hoạt động kinh doanh cổ phiếu của phòng OTC - Upcom	3.621.200.000		5.000.000.000
Phải thu Công ty cổ phần chứng khoán phố Wall	130.580.000		
Phải thu Công ty cổ phần Thanh Niên	4.340.277.778	450.084.717	450.084.717
Phải thu Ngân hàng Đại tín - Phí phong tỏa tài khoản chứng khoán	31.383.410		
Phải thu Công ty vàng Toàn cầu	144.504.000	167.676.000	167.676.000
Phải thu Công ty Invest	92.725.698		
Sửa lỗi giao dịch	409.525.846		
Phải thu cá nhân - vay vốn		427.500.000	
Phí giao dịch chứng khoán phải thu người đầu tư	3.500.143		
Phải thu khác	588.960.005	992.701.135	1.263.286.774
Tổng cộng	9.362.656.880	3.533.831.453	6.881.047.491

(Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,64	1,88
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,64	1,88
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	43,38	44,14
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	76,63	79,01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	0,32	0,37
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	0,47	0,13
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,22	0,26
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/DTT	%	4,52	40,96
Hệ số LNST/VCSH	%	1,76	18,93
Hệ số LNST/Tổng tài sản	%	1,00	10,58
Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	-	42,55

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

Lưu ý: Chỉ tiêu hệ số Lợi nhuận từ HĐKD trên Doanh thu thuần năm 2009 không được tính toán do Lợi nhuận từ HĐKD năm 2009 bị âm.

Về khả năng thanh toán:

Vì Công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên không có sự khác biệt giữa hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh. Hệ số thanh toán nhanh của Công ty trong 2 năm gần đây đều ở mức an toàn trong khoảng từ 1,64 đến 1,88 lần.

Về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu cơ cấu vốn: Hệ số nợ/Tổng tài sản có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2009, 2010, chỉ tiêu này lần lượt là 43,38%; 44,14%. Chỉ tiêu về Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu qua các năm 2009 và 2010 lần lượt là: 76,63%; 79,01%.

Về năng lực hoạt động

Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, vốn chịu nhiều biến động của thị trường, nên các chỉ tiêu về năng lực hoạt động như vòng quay vốn lưu động, vòng quay tổng tài sản không phản ánh chính xác năng lực hoạt động thực sự của Công ty. Vòng quay vốn lưu động qua các năm 2009, 2010 lần lượt là: 0,32 và 0,37.

Vòng quay tổng tài sản các năm 2009, 2010 lần lượt là: 0,22 và 0,26. Nguyên nhân chính việc vòng quay tổng tài sản năm 2010 tăng so với năm 2009 là do tốc độ tăng Doanh thu thuần nhanh hơn so với tốc độ tăng của tổng tài sản.

Về tỷ suất sinh lời

Trong bối cảnh thị trường còn chưa hoàn toàn phục hồi về mức trước khủng hoảng, việc tăng trưởng các chỉ số này cho thấy những bước đi chiến lược đúng đắn của Công ty để phát triển doanh thu cũng như khả năng quản lý chi phí tốt trong giai đoạn khó khăn để nâng cao lợi nhuận.

Nhìn chung, các tỷ số tài chính trên phản ánh tình hình kinh doanh đang trên đà hồi phục, cũng như cơ cấu tài chính linh hoạt và lành mạnh của công ty trong thời gian qua. Đây sẽ là một nền tảng vững chắc để công ty triển khai thành công các kế hoạch phát triển trong thời gian sắp tới.

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

11.1.1. Ông Lê Văn Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày sinh: 03/12/1962
- Địa chỉ thường trú: 395A Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 170024066 Ngày cấp: 03/06/2008 nơi cấp: CA Thanh Hóa
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế, Thạc sỹ Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm 1985 - 1994 Chuyên viên, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ xuất nhập khẩu của Unimex Thanh Hóa
 - * Từ năm 1994 - 1998 Giám đốc Nhà máy bánh kẹo Lam Sơn
 - * Từ năm 1998 - 2000 Học tập tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
 - * Từ năm 1999 - 2003 Phó Chủ tịch thường trực HĐQT của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn
 - * Từ năm 2003 - nay Chủ tịch HĐQT kiêm TGD của Công ty Cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ
 - * Từ tháng 4 năm 2010 - nay Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT Công ty
Tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Công nông nghiệp Việt Mỹ.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 800.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.1.2. Ông Đoàn Ngọc Hoàn – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày sinh: 19/04/1974
- Địa chỉ thường trú: 19 Lô 6, Đô thị mới Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN
- Số CMND/Hộ chiếu: 012636462 Ngày cấp 24/10/2003 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư tin học
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm 1995 - 2000 Phó trưởng phòng Kế toán, Trưởng phòng Điện toán Ngân hàng TMCP Châu Á – Thái Bình Dương
 - * Từ năm 2000 – T5/2007 Phó Trưởng Ban thông tin Tổng hợp, Trưởng phòng Thông tin và CNTT, Giám đốc Trung tâm Thông tin và CNTT Công ty Tài chính Dầu Khí PVFC
 - * Từ T6/2007 - nay Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty
Tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 800.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.1.3. Ngô Văn Bình – Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh: 30/05/1974
- Địa chỉ thường trú: Bò Sơn, P. Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Số CMND/Hộ chiếu: 121261929 Ngày cấp: 13/01/1996 Nơi cấp CA Hà Bắc
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sư Phạm, Thạc sỹ Khoa học
- Quá trình công tác:
 - * Năm 2005: Tốt nghiệp Thạc sỹ Khoa học
 - * Từ 2005 đến nay: Cán bộ quản lý đào tạo Trường Trung học Phổ thông chuyên Bắc Ninh
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT Công ty.
Tại tổ chức khác: Cán bộ quản lý đào tạo Trường THPT chuyên Bắc Ninh
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 800.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.1.4. Lê Tăng Đức – Thành viên Hội đồng quản trị

- Ngày sinh: 18/08/1959
- Địa chỉ thường trú: 18E, Mê Linh, Phường 19, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND/Hộ chiếu: 023747703 Cấp ngày: 21/10/1999 Nơi cấp CA Tp.HCM
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân sư phạm, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm 1978 - 1981: Giáo viên trường cấp 2 Đà Nẵng

- * Từ năm 1987 - 1990 Trưởng phòng Kế hoạch của nông trường bò sữa An Phước, Long Thành, Đồng Nai
- * Từ năm 1990 - 2002 Giám đốc Doanh nghiệp Tư nhân Đức Phát
- * Từ 2002 - nay Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Đức Phát
- * Từ T4/2010 - nay Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT Công ty
Tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Đức Phát
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 800.000 cổ phiếu
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.1.5. Hoàng Đức Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT
- Ngày sinh: 30/05/1974
- Địa chỉ thường trú: Phù Dực, Phù Đồng, Gia Lâm, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 012242657 Ngày cấp: 15/06/2006 Nơi cấp CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm 2005 - 2007 Cán bộ quản lý sinh viên Đại học KHTN – ĐH Quốc Gia Hà Nội
 - * Từ 2007 – nay Cán bộ tín dụng Tổng Công ty Cổ phần Tài chính dầu khí Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT Công ty
Tại tổ chức khác: Cán bộ tín dụng Tổng Công ty cổ

- phần Tài chính dầu khí Việt Nam.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 800.000 cổ phần
 - Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần): Không
 - Chức vụ hiện nắm giữ tại các tổ chức khác: Công tác tại Tổng Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

11.2.1. Bà Đỗ Thị Hồng – Trưởng Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 19/08/1968
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 200B, Trương Định, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 171307971 Cấp ngày 14/04/2008 Nơi cấp CA Thanh Hóa.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm 1989 – 1995: Giáo viên dạy Kế toán tại Trường TMTW 5 Thanh Hóa
 - * Từ năm 1995 - 1997: Kế toán viên tại các doanh nghiệp Tư nhân
 - * Từ năm 1997 - 2002: Kế toán trưởng xí nghiệp bánh kẹo Đình Hương
 - * Từ năm 2002 - 2004: Kiểm soát trưởng Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa
 - * Từ năm 2004 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Bắc Trung Nam
 - * Từ T4/2010 - nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần chứng khoán VNS
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban kiểm soát Công ty

	Tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Bắc Trung Nam
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	50.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty:	Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

11.2.2. Bà Phạm Thị Ánh Hồng – Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh:	06/04/1975
- Địa chỉ thường trú:	253N2 Tập thể quân đội Bắc Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu:	013097953 Ngày cấp: 19/09/2008 Nơi cấp: Hà nội
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:	
*Từ năm 1997-2000	Phụ trách phòng XNK Công ty cổ phần Phương Hoàng
*Từ năm 2000-2002	Chuyên viên tư vấn pháp luật của Công ty tư vấn đầu tư Concetti Hà nội.
*Từ năm 2002-2007	Chuyên viên tư vấn pháp luật của Trung tâm tư vấn doanh nghiệp thuộc Viện Nghiên cứu và Đào tạo về Quản lý – Hà Nội
*Từ năm 2007 - nay	Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - Pháp chế Công ty Cổ phần chứng khoán VNS.
- Chức vụ hiện nay:	Tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - Pháp chế. Tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ:	10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần):	Không

- Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.2.3. Ông Đỗ Chí Thuồng – Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 21/03/1977
- Địa chỉ thường trú: P308, CT4-1, Khu Đô Thị Mỹ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 013122267 Cấp ngày 09-10-2008 Nơi cấp CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm 2000 – 2003 Chuyên viên Kinh doanh Công ty Newtech
 - * Từ năm 2003 – 2005 Giám sát bán hàng Công ty LG Việt Nam
 - * Năm 2006 Giám sát bán hàng dự án Công ty Electrolux Việt Nam
 - * Từ T12/2006 – T3/2009 Chuyên viên Môi giới Công ty Chứng khoán Dầu khí
 - * Từ T6/2010 – nay Giám đốc Khối Dịch vụ chứng khoán - Công ty chứng khoán VNS
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Giám đốc khối Dịch vụ chứng khoán.
Tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần): Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.3. Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc

11.3.1. Ông Đoàn Ngọc Hoàn (Xem SYLL Hội đồng quản trị)

11.3.2. Ông Ngô Anh Sơn

- Ngày sinh: 14/11/1973
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 12 ngách 1A/7, Ngõ I, Phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Số CMND/Hộ chiếu: 011712353 Ngày cấp 19/01/2000 Nơi cấp CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm 1996 - 1997 Chuyên viên - Tập đoàn Dệt may Việt Nam
 - * Từ năm 1998 - 2007 Kế toán trưởng - Công ty Tài chính Dệt may
 - * Từ năm 1999 - 2001 Theo học Thạc sỹ Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
 - * Từ năm 2007 - nay Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng giám đốc
Tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan (nắm giữ của ai, bao nhiêu cổ phần): Không
- Quyền lợi mẫu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.3.3. Ông Bùi Quang Kỳ

- Ngày sinh: 02/02/1972
- Địa chỉ thường trú: Thụy Dương, Thái Thụy, Thái Bình
- Số CMND/Hộ chiếu: 0150929871 Ngày cấp: 18/12/2009 Nơi cấp CA Thái Bình
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - * Từ năm T6/1998 – T12/2004 Nhân viên Kế toán, Kế toán trưởng từ tháng 9/2001 Công ty Hecnytransportion
 - * Từ T1/2005 – T1/2007 Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại sản xuất thiết bị và máy tính
 - * Từ T1/2007 – T12/2009 Phó phòng Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán, Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát nội bộ kiêm Quyền trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
 - * Từ T1/2010-T2/2011 Kế toán trưởng Công ty cổ phần chứng khoán VNS
 - * Từ T3/2011-nay Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán VNS
- Chức vụ hiện nay: Tại tổ chức niêm yết: Phó tổng giám đốc kiêm kế toán trưởng
Tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.4. Kế toán trưởng – Bùi Quang Kỳ (Xem SYLL thành viên Ban Tổng giám đốc)

12. Tài sản

Giá trị TSCĐ hữu hình tại thời điểm 31/03/2011

(Đơn vị: đồng)

Danh mục	Nguyên giá	Hao mòn	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.246.327.746	638.749.284	1.607.578.462
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8.325.599.423	5.996.380.410	2.329.219.013
Tài sản cố định khác	1.451.181.996	960.852.163	490.329.833
Tài sản cố định vô hình (phần mềm quản lý)	29.967.206.930	6.543.489.052	23.423.717.878
Tổng cộng	41.990.316.095	14.139.470.909	27.850.845.186

(Nguồn: BCTC Quý I năm 2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS)

Trụ sở Công ty hiện đang thuê tại Tầng I, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Trên cơ sở đánh giá triển vọng của nền kinh tế, tình hình thực tế của thị trường và khả năng của Công ty, HĐQT đã đề ra một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm 2011 và 2012 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	% tăng/giảm so với năm 2010	Năm 2012	% tăng/giảm so với năm 2011
Vốn Điều lệ	370.000	129,81%	370.000	0,00%
Doanh thu thuần	94.000	22,18%	205.000	118,09%
Lợi nhuận trước thuế	28.750	-12,94%	72.930	153,67%
Lợi nhuận sau thuế	23.000	-27,35%	58.447,5	154,12%
Tỷ suất LNST/DTT	24,47%	-16,68%	28,51%	4,04%
Tỷ suất LNST/VĐL(%)	6,22%	-13,45%	15,80%	9,58%
Cổ tức	10%	7,00%	12%	2%

(Nguồn: Công ty cổ phần Chứng khoán VNS)

Kế hoạch tăng vốn năm 2011

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty cổ phần chứng khoán VNS đã thống nhất thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 161 tỷ lên 370 tỷ đồng trong năm 2011, đồng thời ủy quyền toàn bộ cho HĐQT quyết định: thời điểm tăng vốn, phương án tăng vốn, cách thức tăng vốn, số lần tăng vốn, giá chào bán (không thấp hơn mệnh giá cổ phiếu), phương án xử lý cổ phiếu

lẽ và xử lý các vấn đề sau phát hành theo các quy định hiện hành. HĐQT Công ty dự kiến sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ của Công ty lên 370 tỷ đồng sau khi đã tạm ứng cổ tức năm 2011 cho cổ đông hiện hữu nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông hiện hữu. Do đó số cổ phiếu tăng thêm sau phát hành sẽ không được hưởng tỷ lệ cổ tức bằng với tỷ lệ cổ tức như trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 – 2012 ở bảng trên.

14. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Nền kinh tế thế giới và nền kinh tế Việt Nam bắt đầu phục hồi và tăng trưởng trở lại từ năm 2010 và dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ấn tượng trong năm 2011, 2012. Dự kiến tăng trưởng của kinh tế Việt Nam năm 2011 sẽ vào khoảng từ 7 đến 7,5% cao đứng thứ ba so với các nước Châu Á. Lạm phát được kiềm chế, lãi suất hạ và tỷ giá ổn định và thị trường tiền tệ được khơi thông là điều kiện rất thuận lợi cho dòng tiền quay trở lại thị trường vào nửa cuối quý II/2011.

Vì vậy, giai đoạn quý I và nửa đầu quý II/2011 vẫn là giai đoạn rất khó khăn đối với thị trường khi nền kinh tế vẫn phải đối mặt với vấn đề lạm phát, tỷ giá chưa ổn định, lãi suất vẫn ở mức cao, thâm hụt thương mại, thâm hụt ngân sách... Do vậy việc xây dựng kế hoạch doanh thu 2011 của VNS có mức tăng trưởng là 171,77% so với năm 2010 nhưng chỉ tiêu lợi nhuận có điều chỉnh giảm so với thực hiện năm 2010, tuy vậy nhưng vẫn đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho cổ đông tối thiểu là 10%.

Sang năm 2012, nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định. Việc thi hành chính sách tiền tệ nới lỏng kết hợp với dòng vốn gián tiếp vào mạnh của nhà đầu tư nước ngoài thì thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng trưởng ấn tượng trong năm 2012. Đây chính là cơ hội tốt cho Công ty đẩy mạnh hoạt động môi giới, hoạt động đầu tư tự doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch cả về doanh thu và lợi nhuận với mức tăng trưởng cao so với năm 2011.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán phát hành thêm: Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết: **16.100.000 (mười sáu triệu một trăm nghìn) cổ phiếu**
4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm
1	Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	800.000	400.000
2	Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng Giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT	800.000	400.000
3	Lê Tăng Đức	Thành viên HĐQT	800.000	400.000
4	Hoàng Đức Hiền	Thành viên HĐQT	800.000	400.000
5	Ngô Văn Bình	Thành viên HĐQT	800.000	400.000
6	Đỗ Thị Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	50.000	25.000
7	Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	10.000	5.000
Tổng cộng			4.060.000	2.030.000

(Nguồn: Sổ cổ đông tại ngày 14/02/2011)

5. Phương pháp tính giá

5.1. Phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{134.545.765.690}{16.100.000} = 8.356 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2010

$$\text{Giá trị sổ sách 1 CP} = \frac{166.439.273.871}{16.100.000} = 10.337 \text{ đồng/cổ phần}$$

5.2. Phương pháp chiết khấu luồng cổ tức:

Định giá cổ phiếu VNS dựa trên chiết khấu dòng cổ tức trong tương lai.

Giả định:

- LNST năm 2011 đến năm 2012 như bảng sau và tăng trưởng đều 5% từ 2013 trở đi.
- Cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 10% cho năm 2011 và 12% cho năm 2012 và tăng trưởng đều 3,9% từ năm 2013 trở đi.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành không thay đổi.
- Tỷ suất chiết khấu $r = 14\%$

	ĐVT	2011F	2012F	2013F trở đi
LNST dự phóng	Đồng	23.000.000.000	58.447.500.000	
Dòng cổ tức dự phóng	Đồng	1.000	1.200	12.345
Hệ số điều chỉnh đến 01/01/2011	Lần	0,877	0,769	0,769
Dòng cổ tức tính đến 01/01/2011	Đồng	877	923	9.493
Tổng cộng hiện giá đến 01/01/2011	Đồng	11.293		
Hệ số điều chỉnh đến 01/04/2011	Lần	1,0333		
Trị giá cổ phiếu ước tính đến 01/04/2011	Đồng	11.669		

Giá trị cổ phiếu VNS theo phương pháp chiết khấu luồng cổ tức là **11.669 đồng/1 cổ phiếu.**

5.3. Phương pháp so sánh P/E

Việc xác định P/E trung bình hay P/E ngành dựa vào việc lựa chọn các số liệu của 05 Công ty chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Các thông số và dữ liệu cũng được cập nhật trên website của Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (www.vse.org.vn) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (www.hnx.vn).

Mã CK	LNST năm 2010	Cổ phiếu lưu hành bình quân	EPS cơ bản	Giá cổ phiếu (tại ngày 10/05/2011)	P/E	P/E trung bình
APS	44.097.465.758	32.305.836	1.365	6.400	4,69	7,95
APG	9.971.025.478	13.500.000	739	6.600	8,94	
AGR	193.949.696.678	172.399.730	1.125	11.000	9,78	
PSI	64.929.252.646	45.789.318	1.418	7.800	5,50	
TAS	8.966.844.832	13.900.000	645	7.000	10,85	

Theo bảng tính trên thì P/E bình quân của các Công ty chứng khoán hoạt động trong ngành chứng khoán đang niêm yết là 7,95. Giá cổ phiếu của Công ty cổ phần chứng khoán VNS được tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	31.512.548.181
EPS (đồng)	1.960
P/E ngành	7,95
P/E công ty	7,95
Giá dự kiến	15.584

5.4. Ma trận định giá:

Căn cứ vào các phương pháp định giá cổ phiếu, chúng tôi đề xuất mô hình định giá cổ phiếu của Công ty cổ phần chứng khoán VNS gồm 3 phương pháp: phương pháp BV, phương pháp chiết khấu luồng cổ tức, phương pháp so sánh P/E như sau:

Ma trận định giá	Giá	Tỷ trọng	BQ giá quyền (VNĐ/cổ phiếu)
1. BV	10.337	40%	4.135
2. Phương pháp chiết khấu luồng cổ tức	11.669	30%	3.501
3. Phương pháp so sánh P/E	15.584	30%	4.675
Giá bình quân		100%	12.311

Mức giá tham chiếu dự kiến cho ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần chứng khoán VNS là 12.300 đồng/1 cổ phiếu.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty chứng khoán VNS không ngăn cấm hay giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Hiện tại cổ phiếu của Công ty chưa có người nước ngoài nắm giữ.

Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, người nước

ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật tại quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, theo đó tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

Tính đến thời điểm 14/02/2011, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại VNS là 0,06%.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Thuế Giá trị gia tăng

Theo Thông tư số 129/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá trị gia tăng, VNS đã thực hiện việc trích nộp thuế Giá trị gia tăng theo quy định như sau:

- Đối với hoạt động môi giới, tự doanh, lưu ký và tư vấn đầu tư chứng khoán: không thuộc đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng;
- Đối với hoạt động tư vấn tài chính: Thuộc đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng với mức thuế suất 10%.

7.2 Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Năm 2008 do kết quả kinh doanh lỗ nên VNS không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2009, theo quy định tại Nghị định số 124/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 11/12/2008, mức thuế thu nhập áp dụng cho VNS sẽ là 25%.

7.3 Thuế Thu nhập của Nhà đầu tư

Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 12 tháng 11 năm 2004 quy định tổ chức có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu, thuế suất áp dụng là thuế suất thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Đối với các nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam sẽ áp dụng một mức thuế khoán bằng 0.1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng theo Thông tư Số 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư 100/2004/TT-BTC. Đối với nhà đầu tư cá nhân, Thông tư 84/2008/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 9 năm 2008 gửi kèm công văn Số 2697/BTC-VP ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định nhà đầu tư có thể lựa chọn một trong hai hình thức nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Tuy nhiên trong trường hợp áp dụng biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì cá nhân chuyển nhượng chứng khoán vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0.1% trên giá trị chuyển nhượng từng phần do công ty chứng khoán thu hộ.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 083 8272 295

Fax: 083 8272 298

Website: www.auditconsult.com

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Báo cáo kiểm toán năm 2009, 2010, BCTC quý I/2011.
4. Các phụ lục khác.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ VĂN MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

BÙI QUANG KỶ

ĐOÀN NGỌC HOÀN

ĐỖ THỊ HỒNG